

VĂN HÓA & NGHỆ THUẬT



Trích đoạn một bức tranh miêu tả dịch bệnh trong quá khứ.
Tranh sơn dầu của họa sĩ Pieter van Halen, 1661.

VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

DỊCH BỆNH: Khúc nhạc dạo đầu báo hiệu sự thay đổi triều đại

Con người có sinh lão bệnh tử. Một vương triều cũng có quá trình sinh ra, phát triển, phồn vinh và suy bại.

TRUNG DUNG

Trong lịch sử nhân loại, dịch bệnh không chỉ ảnh hưởng đến vận mệnh cá nhân mà dịch bệnh quy mô lớn thường là khúc nhạc dạo đầu thay đổi hướng đi của lịch sử, thay đổi triều đại. Lịch sử phương Đông cho đến phương Tây dường như đều xuất hiện hiện tượng này...

Dịch bệnh thời cổ Hy Lạp: Bài học nhân loại cần học nhất

Cùng với sự phát triển của y học hiện đại, khả năng nhân loại chiến thắng dịch bệnh đã không ngừng nâng cao, nhưng bệnh tật, nhất là dịch bệnh quy mô lớn nguy hại đến sức khỏe và tính mệnh nhân loại không hề suy giảm. Virus Ebola, sốt rét, bệnh SARS, nỗi ám ảnh về "cái chết đen" tuy ít khi xảy ra nhưng vẫn đủ giáng đòn chí mạng cho nhân loại.

Từ xưa đến nay, nhân loại hề nói đến những dịch bệnh trên phạm vi thế giới hoặc dịch bệnh hủy diệt văn minh nhân loại là biến sắc như nói đến cọp dữ, bởi vì những bệnh dịch đó rất đáng sợ: xảy ra nhanh, tử vong nhiều, lây nhiễm mạnh, không thể khống chế được... giống

như bóng ma vô hình, đó chính là nguyên nhân căn bản khiến nhân loại khiếp sợ dịch bệnh.

Hơn 2000 năm trước, thành Athen huy hoàng rực rỡ bên bờ biển Aegea đột nhiên xảy ra đại dịch. Người mắc bệnh đầu tiên sốt, sau đó đi ngoài, toàn thân nổi mụn đỏ, chân tay bắt đầu thối rữa. Mọi người nhìn thấy những con giò chui ra chui vào ở những vết thương thối rữa trên thân thể bệnh nhân. Sau 7, 8 ngày thì chết.

Người mắc bệnh hoàn toàn không có khả năng sống sót. Nhà sử học đương thời Thucydides đã ghi chép chi tiết về dịch bệnh rằng: "Mọi người chỉ biết số người chết tăng vọt, nhưng không tìm ra nguyên nhân, cũng không tìm ra biện pháp ngăn chặn. Thi thể nhiều đến mức không có người chôn, ngay cả những con chim con thú, vì ăn thịt tử thi mà cũng bị tử vong, chó, gia súc trong nhà cũng không sống sót".

Nhưng điều khiến con người không hiểu nổi là, sau khi hoành hành mấy năm trời, thì từ cuối năm 426 TCN đại dịch bỗng nhiên lặng lẽ biến mất như thể nhận được mệnh lệnh bí mật vậy.

Đại dịch ở Athen đã khiến nền văn minh Hy Lạp rực rỡ huy hoàng

Tiếp theo trang 6

Ngũ hành đảo lộn: Năm 2020 có bao nhiêu tai họa lớn?



TRUNG ĐUNG

Sự biến đổi của Ngũ hành

Quan niệm truyền thống là "Thiên - nhân cảm ứng", hết thấy mọi thứ trong trời đất đều đối ứng với Ngũ hành.

"Tai họa là sự trách phạt của Trời, dĩ tượng là sự uy nghiêm của Trời" - *Xuân Thu Phôn Lộ*.

Trong *Hán Thư* có ghi chép chuyện Đổng Trọng Thư khi trả lời câu hỏi của Hán Vũ Đế có nói rằng: "Nếu một quốc gia đánh mất Đạo Trời thì Thượng Thiên sẽ giáng tai họa xuống để cảnh cáo quốc quân. Nếu không biết sửa chữa lỗi lầm thì sẽ xuất hiện những thiên tượng quái dị nghiêm trọng hơn nữa. Nếu vẫn không biết hối cải sửa chữa sai lầm, thì sẽ phải kết thúc vương triều."

"Nhưng đến hậu thế, quân chủ kiêu ngạo, xa hoa, dâm dật, đạo đức suy bại, không thể thống trị quần thần, dẫn đến chư hầu phân loạn, quan lại tranh cướp đất đai của người dân, đạo đức giáo hóa bị phế bỏ (khiến phong khí xã hội bất chính), thực thì hình phạt pháp luật nghiêm khắc với dân chúng. Hình phạt sử dụng không thỏa đáng khiến dân chúng sinh oán khí (tà khí). Tà khí tích tụ xuống dưới, oán ác tụ tập ở trên, quan chức ở trên và người dân ở dưới bất hòa, khiến âm dương rối loạn, yêu nghiệt sinh sôi. Đây chính là nguyên nhân của các tai họa và các hiện tượng quái dị xảy ra."

Thực tế trong vũ trụ, bất kể là mặt trời, mặt trăng, các vì sao, gió, mưa, sấm, chớp, trời, đất, núi, sông, bốn mùa, ngày đêm, hay chim muông, cá tôm... tất cả các phương diện đều thuận theo lý âm dương, ngũ hành thì đều không xảy ra thiên tai.

Nếu xuất hiện thiên tai nhân họa, nhất định là về phương diện âm dương ngũ hành có vấn đề.

Thực ra ngũ hành là đối ứng và tương thông với thân thể con người, tâm trạng và tình cảm con người.

Theo các thí nghiệm khoa học thì khi con người tức giận sẽ sinh ra các độc tố. Nếu một quốc gia mà tiếng dân oán thán, gấm trời kêu oan sẽ hình thành nên hàng ngàn hàng vạn những độc tố. Những tâm trạng tiêu cực tụ lại với nhau thì có phải trở thành một vùng "oán khí" tất sẽ xảy ra

một loại tai họa.

Người xưa đã viết trong sách "Xuân Thu Phôn Lộ" rằng:

Mộc của Ngũ hành

"*Mộc có biến đổi thì mùa xuân điều tàn, mùa thu tươi tốt. Mùa thu có băng, mùa xuân mưa nhiều.*

Đó đều do lao dịch dân chúng, thu thuế nặng nề, nhân dân bán cùng phân lại, đường nhiều người đói khổ.

Phương thức cứu chữa là cắt giảm lao dịch, giảm nhẹ thuế khóa, mở kho lương dự trữ quốc gia cứu tế người nghèo khổ."

Trong ngũ hành, hành Mộc hỗn loạn thì sẽ biểu hiện là mùa xuân có cây không sinh trưởng; trái lại mùa thì sẽ bắt đầu tốt tươi. Mùa thu trên có cây có đọng băng tuyết thì mùa xuân mưa nhiều.

Hỏa của Ngũ hành

"*Hỏa có biến đổi thì mùa đông âm mùa hè lạnh.*

Điều này là do quân vương không sáng suốt, người tốt không được thưởng, kẻ xấu không bị bãi chức, kẻ vô đức chiếm các chức vụ, người hiền tài phải ẩn mình; như vậy nóng lạnh mất trật tự, mà người dân thì bị bệnh tật, dịch bệnh.

Phương thức cứu chữa là để bớt sử dụng người hiền lương, thường người có công, phong người có đức."

Trong ngũ hành, hành Hỏa hỗn loạn thì sẽ biểu hiện là: Mùa đông không lạnh, mùa hè lạnh. Hiện nay mùa hè vùng Đông Bắc Trung Quốc tuyết rơi, trời lạnh đi thường, không thể nào trong trọt được.

Hiện tượng này đối ứng với quân vương bắt tài tối tăm; người thiện lương không được khen thưởng; kẻ làm ác không bị trừng trị. Quan lại các cấp bắt tài, chiếm hết chỗ nhưng lại chẳng làm gì, chỉ tìm cách ăn chặn của dân bòn rút quốc gia. Người thực sự có tài năng thì bị bỏ xó, mà một; do đó nóng lạnh mất trật tự, không theo quy luật, dịch bệnh và bệnh tật lan tràn trong dân chúng.

Thổ của Ngũ hành

"*Thổ có biến đổi thì gió lớn nổi lên, ngũ cốc bị tổn hại.*

Đây là do không tín nhiệm người

Nếu xuất hiện thiên tai nhân họa, nhất định là về phương diện âm dương ngũ hành có vấn đề.

Trong vũ trụ, bất kể là mặt trời, mặt trăng, các vì sao, gió, mưa, sấm, chớp, trời, đất, núi, sông, bốn mùa, ngày đêm, hay chim muông, cá tôm... tất cả các phương diện đều thuận theo lý âm dương, ngũ hành thì đều không xảy ra thiên tai.

ALL PHOTOS BY SHUTTERSTOCK



nhân nghĩa, hiền năng, bất kính với cha mẹ, anh chị, hoang dâm vô độ, cung thất xa hoa.

Biện pháp cứu chữa là cắt giảm, đơn giản cung thất, bỏ hoa văn điêu khắc trang trí cầu kỳ, sử dụng người hiền đức, thương yêu người dân."

Trong ngũ hành, hành Thổ hỗn loạn thì biểu hiện là: có gió lớn, lương thực bị tổn hại, giảm sản lượng.

Hiện tượng này đối ứng với việc không tin dùng người hiền tài thiên lương, không tôn kính người già người bê trên, hoang dâm vô độ, quốc gia giàu lên mà người dân nghèo đi, quan lại tranh đoạt lợi ích của người dân. Khi dịch bệnh đến thì không kịp thời cứu tế, không miễn giảm thuế khóa, chỉ biết vơ vét, sưu cao thuế nặng; còn người trong cung thất lại phát tài, vinh hoa phú quý.

Kim của Ngũ hành

"*Kim có biến đổi thì sao Tất sao Mão bị che 3 lần, sẽ có xung đột quân sự, nhiều quân (các nước hoặc các phe phái), nhiều trộm cướp.*

Đây là do bỏ nghĩa tham tài, khinh thường sinh mạng người dân, coi trọng tiền tài, hối lộ, người dân chạy theo lợi, đa phần theo đường gian tà.

Phương thức cứu chữa là trọng dụng người liêm khiết, gây dựng chính trực, cắt giảm vũ lực mà trọng dụng văn hóa, cắt giảm vũ khí."

Trong Ngũ hành, hành Kim hỗn loạn thì sẽ biểu hiện là: sao Tất và sao Mão trên trời quay tròn, 3 lần che lấp lẫn nhau, sẽ có các tai họa như động binh, nhiều trộm cướp, giặc già.

Hiện tượng này đối ứng với việc người cầm quyền vứt bỏ đạo nghĩa, tham tài trọng lợi, coi thường sinh mệnh người dân, coi trọng lợi ích tiền bạc vật chất, hối lộ tham nhũng. Người dân cũng chỉ biết đến lợi ích tiền bạc; nhiều người vì tiền mà không việc ác nào mà không làm; toàn xã hội có phong khí gian dối tham lam.

Thủy của Ngũ hành

"*Thủy có biến đổi thì mùa đông âm thấp nhiều sương mù, mùa xuân mùa hạ nhiều mưa, mưa đá.*

Điều này là do pháp lệnh lỏng lẻo, hình phạt không được thi hành.

Phương pháp cứu chữa là cải thiện các biện pháp hình phạt, giam giữ, truy cứu các án gian sai, trừng trị kẻ có tội."

Trong Ngũ hành, hành thủy xảy ra hỗn loạn thì biểu hiện là mùa đông ẩm ướt nhiều sương mù. Mùa xuân mùa hạ vốn ẩm áp thì lại liên tiếp có mưa lớn và mưa đá.

Điều này đối ứng với pháp lệnh quốc gia có thể không thi hành, có như không, người xấu không bị trừng trị.

Xem những điều đối ứng này thì thấy xã hội hiện nay, nhất là Trung Quốc, tất cả đều đối ứng như trên.

Tai họa của Ngũ hành

Nếu đúng là như thế thì tai họa đối ứng với Ngũ hành gồm:

- Liên quan đến hành Thủy có lũ lụt, sông thần, tuyết rơi, băng tuyết, mưa đá.
- Liên quan đến hành Hỏa có cháy nổ, hỏa hoạn, hạn hán.
- Liên quan đến hành Thổ có động đất, sạt lở đất, núi lửa phun.
- Liên quan đến hành Kim có chiến tranh.
- Liên quan đến hành Mộc có cháy rừng, nạn sâu bệnh (nạn châu chấu, sâu keo), mất mùa...

Trong "Xuân Thu Phôn Lộ", câu đầu tiên chương mở đầu có viết: "*Ngũ hành biến đổi thì nên dùng đức cứu vãn, thì hành nhân đức khắp thiên hạ thì tai họa sẽ tiêu trừ. Không dùng đức cứu vãn, thì không quá 3 năm, trời sẽ có mưa đá.*"

Còn có thể có thiên tai dĩ tượng là thiên thạch rơi như mưa, như đá rơi.

Nhưng rất đáng mừng là câu này đã nói cho chúng ta biết làm thế nào để tránh sự tình kinh sợ này xảy ra: "*Nên dùng đức cứu vãn, thì hành nhân đức khắp thiên hạ thì tai họa sẽ tiêu trừ.*"

Ngũ hành hỗn loạn rồi, nên có biện pháp nâng cao đạo đức xã hội để cứu vãn toàn bộ xã hội thì các loại tai họa này sẽ bị tiêu trừ.



Hình minh họa một buổi xử án thời xưa. (Minh họa lấy từ cuốn Quốc văn Giáo khoa thư)

SỬ VIỆT

Chống tham nhũng khiến Đại Việt có được thời kỳ toàn thịnh

TRẦN HÙNG

Khi vua Lê Thánh Tông mới lên ngôi, đất nước chìm trong khổ khăn; tương sĩ thì lo hưởng lạc; quan lại chia bè phái và tham nhũng; người dân đời khổ oán thán. Vua nhìn nhận rằng nạn tham nhũng là nguyên nhân lớn nhất cản phải tiêu diệt.

Chính vì vậy, Vua hoàn thiện bộ luật Hồng Đức để tăng sức mạnh chống tham nhũng cho bộ luật này. Việc chống tham nhũng được tiến hành từ các quan đầu triều xuống tận đến địa phương. Trong 722 điều của bộ luật Hồng Đức, thì có trên 40 điều thuộc về chống tham nhũng.

Điều 138 có đoạn quy định rõ như sau: "Quan lại mà tham nhũng, nhận hối lộ, làm sai phép nước thì bị phạt: tham ở từ 1 đến 9 quan tiền, bị cách chức. Từ 10 đến 19 quan bị đánh trượng, đi đày. Từ 20 quan trở lên, bị chém. Các người ăn lệ từ 1 đến 9 quan, phải phạt 50 quan. Từ 10 đến 19 quan, phạt từ 60 đến 100 quan. Từ 20 quan trở lên, phạt tội làm phu. Của hối lộ bỏ vào kho một phần, một phần trả lại chủ." Việc xử phạt này không phân biệt giàu nghèo hay chức vụ.

Luật Hồng Đức cho thấy sự nghiêm khắc của pháp luật ngày xưa, chỉ tham ở một quan tiền là mất chức, 20 quan tiền là bị tử hình.

Sách sử còn ghi chép lại chuyện Lê Bồ phạm tội tham ô bị buộc vào tội "Hình"; có viên quan là Trần Phong kể có thượng tích hay không thượng tích) thì tăng hơn người thường hai bạc tội. Nếu nạn nhân chết, người ấy bị xử treo cổ".

Điều 111 có nêu như sau: "Quan lại dùng uy thế (chức vụ) vô cơ bắt trời người và tra khảo họ nơi tư gia (không kể có thượng tích hay không thượng tích) thì tăng hơn người thường hai bạc tội. Nếu nạn nhân chết, người ấy bị xử treo cổ".

Năm 1816, Thượng thư bộ Binh là Đặng Trần Thường bị xử tử hình và tịch biên hết tài sản vì trong thời gian làm quan ở Bắc thành đã nhũng nhiễu, tham ô tiền thuế điền và ao đầm của dân.

Tháng 5/1823, một ông quan làm việc tại Phủ Nội vụ tên Lý Hữu Diệm bị xử tử giữa chợ Đông Ba vì tội lấy trộm hơn một lượng vàng.

Tháng 11/1831, Tư vụ Nội vụ phủ Nguyễn Đức Tuyên lại ăn bớt nhựa thơm, rồi lấy mật trộn lẫn vào, để ít hóa xóa bỏ.

Những quan thanh liêm thực sự phục vụ cho dân đều được trọng dụng; thậm chí những người từng bị hãm oan trước đây nay được minh oan. Ví dụ như ông Vũ Tự làm quan rất thanh liêm, nên quyết định thử xem tin đồn có thật không.

Vua biết Vũ Tự vừa xử cho một người thàng kiện, liền bí mật mang một mâm lễ vật quý gửi người này mang đến cho Vũ Tự để hậu tạ. Người này vào đêm

khuya liền mang lễ vật tới.

Vũ Tự hỏi: "Anh có biết ta là ai? Việc xét xử là theo luật vua ban, anh cho ta là người thế nào mà dám làm chuyện phi pháp này?"

Người đó đáp: "Bẩm thượng quan, tập tục là thế! Đây chỉ là tấm lòng thành tri ân..."

Vũ Tự nói ngay: "Ta há phải theo tập tục quái gở này để chịu ô danh như những kẻ tham lam khác hay sao?"

Nói xong ông sai gia nhân dưới người này về. Vua Lê Thánh Tông sau đó đã trọng thưởng cho Vũ Tự, đình vào cổ áo triều phục của ông hai chữ "Liêm Tiết".

Sử sách ghi nhận rằng thời kỳ này "ngủ đêm mọi nhà không phải đóng cửa, hầu như không có trộm cắp". Dân gian có câu rằng:

Đời vua Thái Tổ, Thánh Tông

Thóc lúa đầy đồng, chàng mát mát chi

Nhà Nguyễn xử lý nghiêm tham nhũng

Thời nhà Nguyễn việc tham ô, nhũng nhiễu dân chúng bị trừng trị rất nghiêm khắc. Bộ luật Gia Long có 400 điều thì có 79 điều quy định về các tội liên quan đến tham nhũng. Trong đó, Điều 31 quy định quan lại nhận hối lộ phải chịu hình phạt thấp nhất là 70 trượng, cao nhất là treo cổ.

Điều 111 có nêu như sau: "Quan lại dùng uy thế (chức vụ) vô cơ bắt trời người và tra khảo họ nơi tư gia (không kể có thượng tích hay không thượng tích) thì tăng hơn người thường hai bạc tội. Nếu nạn nhân chết, người ấy bị xử treo cổ".

Năm 1816, Thượng thư bộ Binh là Đặng Trần Thường bị xử tử hình và tịch biên hết tài sản vì trong thời gian làm quan ở Bắc thành đã nhũng nhiễu, tham ô tiền thuế điền và ao đầm của dân.

Tháng 5/1823, một ông quan làm việc tại Phủ Nội vụ tên Lý Hữu Diệm bị xử tử giữa chợ Đông Ba vì tội lấy trộm hơn một lượng vàng.

Tháng 11/1831, Tư vụ Nội vụ phủ Nguyễn Đức Tuyên lại ăn bớt nhựa thơm, rồi lấy mật trộn lẫn vào, để ít hóa xóa bỏ.

Những quan thanh liêm thực sự phục vụ cho dân đều được trọng dụng; thậm chí những người từng bị hãm oan trước đây nay được minh oan. Ví dụ như ông Vũ Tự làm quan rất thanh liêm, nên quyết định thử xem tin đồn có thật không.

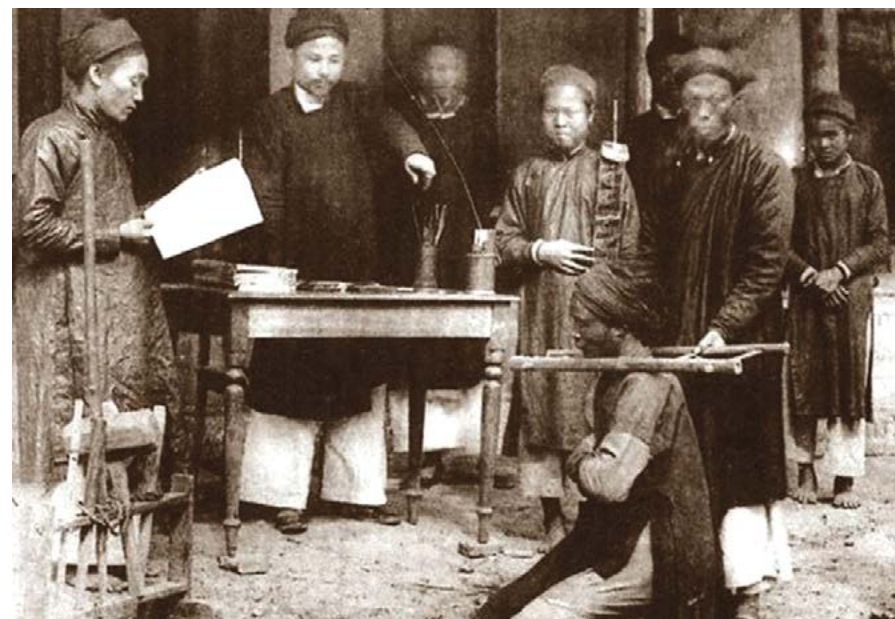
Vua biết Vũ Tự vừa xử cho một người thàng kiện, liền bí mật mang một mâm lễ vật quý gửi người này mang đến cho Vũ Tự để hậu tạ. Người này vào đêm



Tượng vua Lê Thánh Tông tại Văn Miếu Quốc Tử Giám. Ông là người đã hoàn thiện và ban hành luật Hồng Đức.

Luật Hồng Đức cho thấy sự nghiêm khắc của pháp luật ngày xưa: tham ô một quan tiền là mất chức, 20 quan là bị tử hình.

ẢNH DƯỚI: Hình ảnh một buổi xử án thời xưa. Phạm nhân bị đeo gông ở cổ, quy xuống nghe tuyên án và chịu hình phạt. (Ảnh từ lưu)



nhiều. Gian dối bị phát hiện, vua Minh Mạng ra chỉ dụ: "Chặt một bàn tay thủ phạm Nguyễn Đức Tuyên đem treo, xóa tên trong sổ làm quan, để lại cho nó cái đầu, khiến suốt đời hối hận."

Thời vua Tự Đức, có ông quan Vũ Đình nổi tiếng là chính trực. Một hôm ông phát hiện người coi kho lấy trộm một ít tiền rồi lên ra quán uống rượu. Số tiền chẳng đáng bao nhiêu nhưng không hiểu vì sao chuyện lọt đến tai vua Tự Đức; vua xem cáo trạng rồi phê rằng:

Nhất nhật nhất tiên

Thiên nhật thiên tiên

Thắng cử mực đoan

Thủy trích thạch xuyên

Thị bát dung tru

Lý mũ xử trảm

Tạm dịch:

Một ngày một đồng

Ngàn ngày ngàn đồng

Đầy của đứt gò

Nước giọt thủng đá

Tội không dung tha

Lệnh truyền xử chém

Thời nhà Nguyễn các quan tham nhũng của dân đều bị tịch thu tài sản, đem xử chém trước dân chúng nhằm thị uy, các quan đức sợ mà không dám nhũng nhiễu của dân.

Việc xóa bỏ nạn tham ô của vua Lê Thánh Tông và của nhà Nguyễn thật đáng học hỏi, nhưng nếu chỉ áp dụng luật thời đó vào nạn tham nhũng của xã hội ngày nay thì thật sự là chưa đủ. Kể làm quan đầu sao cũng nắm trong tay luật pháp, nên luật pháp dù kiến toàn thể nào vẫn không làm khổ được họ. Nguyên nhân gốc rễ âu chính là vấn đề đạo đức của người làm quan vậy.

Không Tử nói: "Dùng chính lệnh để dẫn dắt dân, dùng hình phạt để bắt dân vào khuôn phép, dân tránh khỏi tội nhưng không biết hổ thẹn. Dùng đạo đức để dẫn dắt dân, dùng lễ giáo để đặt dân vào khuôn phép, dân biết hổ thẹn mà lại theo đường chính." Còn Lão Tử thì bàn rằng: "Pháp lệnh càng tăng trộm cắp càng nhiều." Khi pháp luật càng phức tạp và nghiêm ngặt thì cũng có nghĩa là tiêu chuẩn đạo đức trong xã hội bấy giờ đã xuống thấp. Lúc này nếu không thể chú trọng vào đức độ thì cũng chỉ có thể dùng hình phạt để ngăn cấm gian tà, giúp tam thời kéo dài sự tồn tại của chế độ xã hội mà thôi.

Để giải quyết tận gốc quốc nạn tham nhũng thì chỉ còn cách khiến cả quan và dân cùng tu đức - mà việc đó trước hết phải bắt đầu từ giáo dục. Hãy làm thế nào để các em học sinh biết thế nào là phẩm giá nhân cách, phân biệt được đúng-sai, công tư phân minh, trở thành những công dân tử tế... để sau này trở thành những vị quan mẫu mực thật sự vì dân.

SỬ VIỆT

VỊ NỮ TƯỚNG

vang danh sử Việt

và tâm lòng trung quân ái quốc

ĐẶC BIỆT

MINH BÁO

“Trung nghĩa” hay “trung quân ái quốc” là những phẩm chất, giá trị đạo đức hàng nghìn năm qua vẫn luôn được đề cao trong văn hóa truyền thống. Giá trị tốt đẹp này phần lớn bắt nguồn từ Nho giáo. Nó chẳng những là nền tảng tư tưởng để các vĩ nhân xây dựng nên các triều đại huy hoàng, mà còn giúp cho quốc gia được bảo vệ trong lúc nguy nan bởi những trung thần nghĩa sĩ liêm liệt.

Lòng trung nghĩa đầu chỉ là khí phách riêng của đấng nam nhi đại trượng phu hoặc các anh hùng tài ba cái thế... Sử sách ghi chép tâm lòng trung liệt tuyệt vời của nữ tướng Bùi Thị Xuân, người đã công hiến toàn bộ cuộc đời và tài năng của mình cho sự thành công của triều đại Tây Sơn.

Tuổi nhỏ chí cao, xếp bút nghiên theo nghề cung kiếm

Bùi Thị Xuân - chữ Hán: 裴氏春 (1752–1802), là con của Bùi Đắc Chí, gọi Bùi Đắc Tuyên là chú, vốn người ấp Xuân Hòa, thôn An Hòa, thuộc Thới Đôn, huyện Tuy Viễn, nay thuộc xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn. Vùng rừng núi ấp Xuân Hòa này phía tây liền với Phú Phong, phía đông lấy suối làm ranh giới, nam cận núi, bắc giáp sông, địa thế hiểm yếu phi thường nên có phần khiến con người nơi đây có cá tính mạnh mẽ và chuộng võ hơn văn.

Có lẽ vì thế mà trời khiến cho Bùi Thị Xuân từ nhỏ đã xinh đẹp, có thiên bẩm của một nhân tài hàng đầu về võ học. Dù lớn lên trong gia đình khá giả, được học hành đàng hoàng, đầy đủ công dung ngôn hạnh, nổi tiếng viết chữ đẹp nhưng trong lòng bà chỉ muốn học theo gương Hai Bà Trưng, Bà Triệu chứ không muốn lấy chồng sinh con như những nữ nhân bình thường khác.

Vào năm 12 tuổi khi đến trường làng học, nhân lúc thầy đó có việc ra ngoài, giao lớp lại cho trường trang coi sóc. Bọn học trò nam muốn đem Bùi Thị Xuân ra giới cợt bèn ra câu đối : “Ngoài trai trong gái, đua cái đua môn”.

Một người trong bọn đối lại: “Đừng Xuân ngồi thưng, lá võng lá chóc”. Cả bọn cười àn lên. Bà giận đỏ mặt, vung tay ra quynh tời tấp vào hai người ấy rồi bỏ về; từ đây quyết theo nghiệp võ.

Sau khi bỏ văn học võ, mấy năm sau tài nghệ võ công của Bùi Thị Xuân tăng tiến vượt bậc và nổi danh khắp vùng. Tương truyền Bùi Thị Xuân được một bà lão bí ẩn dạy đó rất nhiều năm vào ban đêm.

Trích sử:

“Trước kia không biết Bùi Thị Xuân học võ với ai và học vào lúc nào. Nhưng từ khi bỏ học văn thì đêm đêm có một lão bà đến dạy. Dạy từ đầu hôm đến gà gáy lần thứ nhất thì bà lão lui gót. Không ai hiểu lai lịch ra sao. Suốt ba năm trời, trừ những khi mưa gió, đêm nào bà lão cũng đến cũng đi đúng giờ giấc. Dạy quyền, dạy song kiếm. Rồi dạy cách nhảy cao nhảy xa. Nhảy cao thì cột hai bao cát nơi chân mà nhảy, ban đầu bao nhỏ, rồi đổi bao to dần, cuối cùng mới nhảy chân không. Còn nhảy xa thì ban đầu dùng sào, sau dùng tre tươi ngoài bụi, niu dệt xong cong xuống thấp rồi nương theo sức búng của cây mà nhảy. Đêm học ngày tập. Đến 15 tuổi thì tài nghệ đã điêu luyện.

Một hôm bà lão đến, cầm tay Bùi Thị



Xuân khóc và nói:

- Ta có duyên cùng con chỉ bấy nhiêu.

Đem tay ra đến từ biệt con.

Bùi Thị Xuân khóc theo và nài nỉ xin cho biết tánh danh và quê quán.

Bà lão đáp:

- Ta ở gần đây. Trong ba hôm nữa con sẽ biết tin tức. Nhưng con phải giữ bí mật. Nói rồi, vụt một cái biến mất.

Bà hôm sau, ở thôn An Vinh có một đám ma của một bà lão. Bà lão nhà nghèo, góa bụa, sống với vợ chồng người con gái làm nghề nông. Khi Bùi Thị Xuân được tin, tìm đến thì việc chôn cất đã xong. Biết bà lão đây chính là thầy mình, nhưng nhớ lời thầy dặn, chỉ điều tang như một người thường. Về nhà mới đợt lúc khuya vắng, thiết hương án nơi vườn dạy võ mà thành phục. Nhưng chỉ để tâm tang.” (Trích: Nhà Tây Sơn - Quách Tân Quách Giao)

Đến nay người ta vẫn không biết lai lịch bà lão ấy, nhưng qua những chiến tích võ công tung hoành sa trường không địch thủ của Bùi Thị Xuân thì chắc hẳn Sư phụ kia cũng là một tuyệt thế cao thủ ẩn danh nơi giang hồ (theo cụ Bùi Sơn Nhi ở Xuân Hòa thì đó là bà cao tổ của ông Hương mục Ngạc - một võ sư trứ danh ở An Vinh, thời Pháp thuộc).

Theo gương Trưng Vương, trai anh kiệt mới xứng thành đôi

Trưng Nữ Vương khi xưa khởi sự có dưới tay một đạo quân các nữ tướng nữ binh hết sức tinh nhuệ làm khiếp vía quân thù. Hôn nghìn năm sau ở đất Tây Sơn lại có Bùi Thị Xuân muốn học theo bà Trưng, thế nên ông Trời cũng an bài cho bà thành lập một đạo quân như thế:

“Một hôm Bùi Thị Xuân ở ngoài về, ừng cờ thấy đưa ở gái dùng hai chiếc đĩa rơi rồi nương theo sức búng của cây mà nhảy. Đêm học ngày tập. Đến 15 tuổi thì tài nghệ đã điêu luyện.

Một hôm bà lão đến, cầm tay Bùi Thị

Số 04, Tháng 09/2020 EPOCH TIMES

Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu cho triều đại này. Họ chính là phúc tướng trời ban cho anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ. Có lẽ vì thế mà trong 18 tướng lãnh trụ cột, thì hai vợ chồng Trần Quang Diệu - Bùi Thị Xuân được anh em Tây Sơn coi như ruột thịt.

Trong giai đoạn tiền khởi nghĩa, bà không những một tay lo việc kinh tế tài chính mà còn huấn luyện nghĩa quân, khai phá đồn điền, thành lập tượng binh...

“Ở bên Phú An nay hãy còn một đám đất gọi là Trường Võ, đó là nơi bà mở trường dạy võ nghệ cho các nghĩa sĩ trong quân đội Tây Sơn.

Thuở ấy, bà Bùi Thị Xuân còn là một nữ tướng trẻ tuổi, xinh đẹp. Ngoài tài năng võ nghệ, cầm binh, huấn luyện voi rừng (nghe đầu dây gõ Đinh, sông Côn là bãi tập voi của bà)... bà còn giỏi cả việc đi buôn trâu ở An Khê, có tài thuyết phục người ở miền Thượng hơn cả Nguyễn Nhạc, giỏi cả việc khai hoang, làm thủy lợi như biến lòng một con suối khô, chỉ toàn là cát đá thành vùng đất màu mỡ "nhất dáng điền" tên là ruộng Trai, rộng hơn hai chục hécta để lấy lúa nuôi quân...” (Trích: Bút Ký - Hoàng Phủ Ngọc Tường).

Ngoài các nữ võ sinh trường võ của bà sau này đều là tướng lĩnh, chỉ huy quan trọng như đã dẫn ở trên, Bùi Thị Xuân còn chiêu mộ những anh tài về đầu quân dưới trướng Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc. Tiêu biểu như:

- Phì Văn Báo Lý Văn Bưu nổi danh với tài kỹ xạ bách phát bách trúng và gia đình truyền đời nuôi chiến mã, huấn luyện ngựa chiến. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng năng lực kỵ binh Tây Sơn và lập công trong chiến dịch Thăng Long năm Kỷ Dậu.
- Lữ Tiếp tướng quân Đặng Xuân Phong gia nhập năm 1775 - người Dũng Hòa, lập công đầu trong trận Quảng Nam giết chết Tôn Thất Quyên và Tôn Thất Xuân - cùng Nguyễn Văn Tuyết trần thủ Quảng Nam. Sau đó ông tham gia trận Phú Yên đánh bại Tống Phước Hiệp, bán chết trượng Nguyễn Văn Hiến. Ông làm quan đến Thái phó, huyện công Tây Sơn.

Đời cô á mưa hét bài, Bùi thị Xuân chạy đến ôm chầm, và khen: Em giỏi, em giỏi lắm! Từ ấy cho cô á dùng gươm thiết mà tập. Lại rừ chỉ em trong xóm ai muốn học võ học kiếm thì ban đêm ránh việc đến nhà, Bùi Thị Xuân dạy cho. Không mấy lúc nhà họ Bùi trở thành trường dạy võ.

Đệ tử từ năm ba người trong xóm vụt nhảy lên hàng chục, hàng vài ba chục.” (Trích: Nhà Tây Sơn - Quách Tân Quách Giao)

Lớp võ gia đình của Bùi Thị Xuân ai ngờ được sau này có thể cho ra là những nữ tướng kiệt xuất nhất cho nhà Tây Sơn, tục gọi là Tây Sơn Ngũ Phụng Thư. Họ gồm có:

Tranh minh họa nữ tướng Bùi Thị Xuân của họa sĩ ML dành cho Epoch Times.

Bùi Thị Xuân từ nhỏ đã xinh đẹp, có thiên bẩm của một nhân tài hàng đầu về võ học.

- Bùi Thị Nhan (sau này là vợ vua Quang Trung)
- Nguyễn Thị Dung (vợ tướng Trương Đăng Đò nhà Tây Sơn)
- Huỳnh Thị Cúc (nữ tướng dưới quyền Bùi Thị Xuân)
- Trần Thị Lan (sau này là vợ đô đốc Nguyễn Văn Tuyết)

Năm người phụ nữ tài danh từ cùng một chỗ đã làm nên kỳ tích. Họ đã cùng nhau tổ chức, huấn luyện và điều khiển một đoàn tượng binh gồm một trăm thớt voi và một đoàn nữ binh trên hai ngàn người cho nhà Tây Sơn. Ai cũng biết tượng binh chính là bảo bối trên chiến trường, và uy danh của các danh tướng Tây Sơn từ Trần Quang Diệu đến Nguyễn Huệ đều được lập nên trên lưng voi chiến.

Trong “Nhà Tây Sơn - Quách Tân Quách Giao” có chép rằng: Sau này Bùi Thị Xuân gặp gỡ và kết duyên cùng một bậc quân tử tài đức vẹn toàn là danh tướng Trần Quang Diệu.

Tận lực bình tà nhà Tây Sơn, xây dựng binh nghiệp, tiến cơ hiển tài
Nhìn lại lịch sử nhà Tây Sơn từ trước lúc khởi nghĩa đến khi diệt vong, ta dễ dàng nhận ra sự đóng góp to lớn của vợ chồng

EPOCH TIMES Số 04, Tháng 09/2020

thần Ong Chiang Su đi theo cùng đoàn quân. Một toán quân đường bộ do Phraya Wichinarong chỉ huy được lệnh tiến theo đường Cam Bốt và diều động thêm một đoàn quân Cao Miên. Chaophraya Aphaiphubet tuyển thêm một lực lượng 5,000 quân Cam Bốt để đi cùng quân Thái”. (Nguyễn Duy Chính - trích từ tài liệu lịch sử của Xiêm La).

Tháng 7 năm 1784, thủy quân Xiêm đổ bộ lên đánh lấy Rạch Giá (thuộc đạo Kiên Giang), tiến đánh quân Tây Sơn của Đô đốc Nguyễn Hóa ở Trấn Giang (Cần Thơ), tiến chiếm các miền Ba Thắc (Srok Pra-sak, Sóc Trăng), Trà Ôn, Sa Đéc, Mân Thít rồi chia quân đóng giữ. Xét thấy quân ít không chống chọi được, phò mã nhà Tây Sơn là Trương Văn Đa cho quân lui về giữ Long Hồ. Quân Xiêm đi đến đầu cướp bóc đến đó; Nguyễn Ánh dù bắt binh nhưng không can thiệp được vì họ (quân Xiêm) cậy mình là kẻ cứu giúp nên dần áp, cướp bóc nhân dân, khinh mạn cả chúa Nguyễn và quân Nguyễn.

Lần này kể cả Nguyễn Ánh cũng phải hồi hận vì quyết định của mình:

“Vua thấy quân Xiêm tàn bạo, đến đâu là cướp bóc đây, nhân dân ta oán rất nhiều, bảo các tướng rằng: “Muôn được nước phải được lòng dân. Nay Chu Văn Tiếp đã mất, quân Xiêm không ai chế ngự được. Nếu được Gia Định mà mất lòng dân thì ta cũng không nở làm. Thà hãy lui quân để đặng làm khổ nhân dân.” (Trích: Đại Nam Thực Lục).

Trương Văn Đa gửi tin cáo cấp về Quy Nhơn, Thái Đức Hoàng đế cử Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ dẫn quân vào đánh quân Xiêm. Đầu năm 1785, quân đội Tây Sơn đã có mặt ở miền Nam.

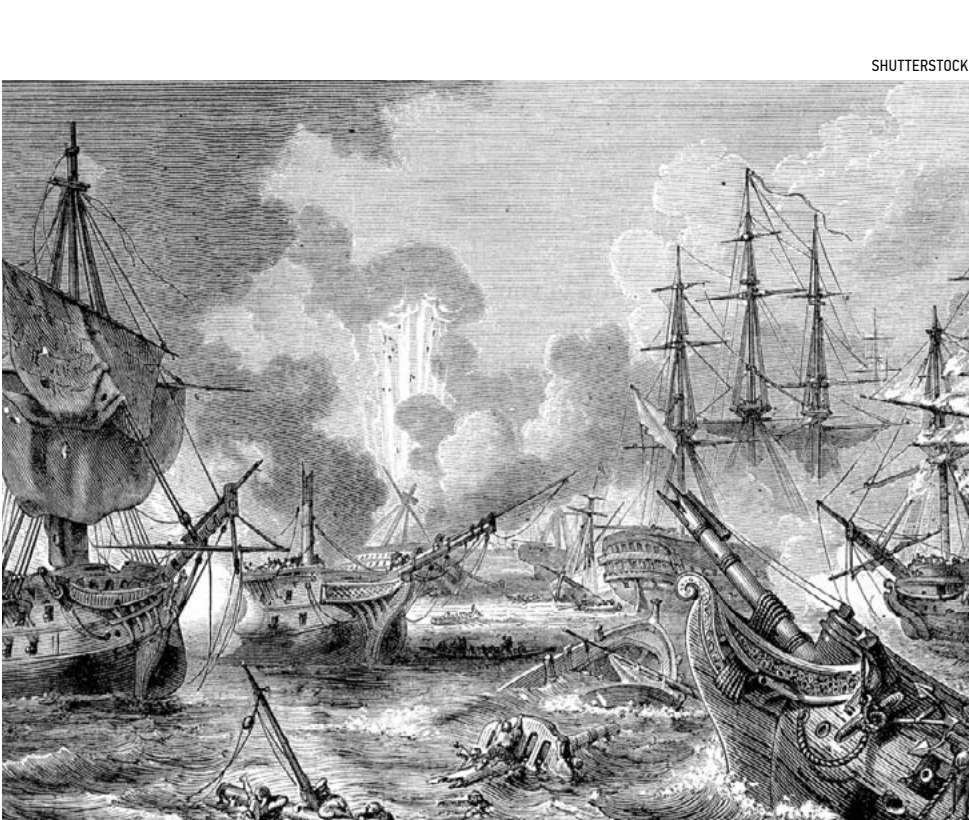
Với quân số ít hơn, Nguyễn Huệ quyết định dùng chiến thuật mai phục và tập kích - nhanh mạnh bằng hỏa lực lớn, là điều mà ngày nay gọi là “hỏa khí phân tán, hỏa lực tập trung”. Ông chọn khúc sông Rạch Gầm, Xoài Mút làm địa điểm quyết chiến. Nguyễn Huệ tổng chỉ huy chiến dịch và trực tiếp thống lĩnh thủy binh, Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân phụ trách bộ binh mai phục.

Sau khi sắp đặt xong mọi thứ, Nguyễn Huệ cử binh đi khiêu chiến quân Xiêm. Tướng Xiêm là Chiêu Tăng giao Sa Uyển ở lại giữ đại bản doanh, cử tướng Lục Cồn dẫn bộ binh men theo tả ngạn sông Tiền để cùng phối hợp; còn ông cùng với tướng tiền phong là Chiêu Sương, dẫn hàng trăm thuyền chiến tiến xuống Mỹ Tho, nơi đặt đại bản doanh của Tây Sơn.

Đêm ngày 18 tháng 1 năm 1785, cả hai đạo thủy bộ quân Xiêm cùng rầm rộ tấn công.

Đến khoảng đầu canh năm ngày 19 tháng 1 năm 1785, đoàn thuyền chiến của địch lọt vào trận địa mai phục của quân Tây Sơn ở Rạch Gầm-Xoài Mút, tức thì pháo lệnh tấn công của Tây Sơn nổ vang. Các đội thủy binh Tây Sơn từ Rạch Gầm, Xoài Mút bắt ngờ lao ra, chặn đánh hai đầu, bắn quân địch vào vòng vây đã bố trí sẵn. Đồng thời, từ hai bờ sông Tiền (doan Rạch Gầm-Xoài Mút) và dọc bờ cù lao Thới Sơn, bãi Tôn, cồn Bà Kiểu, Rừng Đừa... các đại bác cùng pháo hỏa hó của bộ binh Tây Sơn bắn ra dữ dội vào giữa đoàn thuyền địch lực bầy giờ đang bị dồn lại. Dưới sự đốc chiến trực tiếp của Nguyễn Huệ, quân Tây Sơn thủy bộ phối hợp cùng nhau tận dụng sự chi viện của hỏa lực đại bác số lượng vượt trội trên bờ bắn xuống tiêu diệt gần như toàn bộ thủy quân Xiêm. Lực quân Xiêm trên bờ cũng bị tập kích bất ngờ bởi đạo kỵ binh do vợ chồng Bùi Thị Xuân chỉ huy. Vợ sự hải vừa rối loạn nên đoàn quân bộ của Xiêm-Nguyễn cũng mau chóng bị tiêu diệt, Bùi Thị Xuân với kiếm pháp tuyệt luân của mình đã chém bay đầu Lục Cồn tại trận.

Trời vừa rạng sáng, thì chiến cuộc cũng vừa dứt. Kết quả là 300 chiến thuyền và 2 vạn thủy binh của Xiêm cũng một số quân của chúa Nguyễn, không ngần mà bỏ chạy trốn về quê hương, hăm hãi trung thần, vạn nước ngàn sông chảy trốn về Sa Đéc, bị truy kích, lại hồi hải về cùng Sa Uyển dẫn vài nghìn tàn quân chạy bộ sang Chân Lạp rồi về Xiêm.



Trời vừa rạng sáng, thì chiến cuộc cũng vừa dứt. Kết quả là 300 chiến thuyền và 2 vạn thủy binh của Xiêm cũng một số quân của chúa Nguyễn, không dấy một ngày, đã bị quân Tây Sơn phá tan.

Chính sử nhà Nguyễn đầu không cảm nhận nhà Tây Sơn, nhưng văn phải nhận xét về cuộc chiến này như sau:

“... Quân Xiêm (từ sau khi thua trận Rạch Gầm-Xoài Mút) tuy ngoài miệng thì nói khoác nhưng trong bụng thì sợ Nguyễn Huệ như sợ cọp”. (Trích: Đại Nam thực lục).

Võ yên Vạn Tượng, Miến Điện kết minh

Đoàn tượng binh do đích thân Bùi Thị Xuân lãnh đạo đã trở thành lực lượng chủ lực quan trọng đem đến nhiều chiến thắng cho quân đội Tây Sơn. Hình tượng vua Quang Trung áo dài trên bành voi chiến trong trận công thành Thăng Long năm 1789 đã đi vào lịch sử. Và sau năm Kỷ Dậu lịch sử đó, đạo tượng binh này phải cùng với vợ chồng Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân bôn ba vài phen để giữ yên bờ cõi cho nhà Tây Sơn.

Sau đại thắng Thăng Long, tân hoàng đế Quang Trung phải lập lại bang giao với nhà Thanh, xin phong vương để chính vị hiệu và tránh bị tấn công từ Trung Hoa, trong khi đó ở miền Nam lại bất ổn. Chúa Nguyễn Phúc Ánh chiếm Gia Định, xây dựng lực lượng chuẩn bị đánh ra Bắc. Để quốc Xiêm La đánh chiếm một số tiểu quốc ở Lào, cùng với Lê Duy Chỉ, em vua Lê Chiêu Thống khởi binh uy hiếp đến mặt Tây của nước ta ởNghệ An. Có thể nói là lưỡng đầu thọ địch, nguy cơ trùng trùng.

Tháng 6 năm Canh Tuất (1790), Trần Quang Diệu lấy được Trấn Ninh, bắt tù trưởng Cheo Nan và Cheo Kiêu, tháng 8 binh định được Trịnh Cao và Quy Hợp. Tháng 10, Trần Quang Diệu tấn công Vạn Tượng, buộc thủ lĩnh bỏ thành chạy trốn, thu được vô số chiến, trống và vài chục thớt voi. Thửa tháng, Quang Diệu đánh thắng đến biên giới Xiêm La, chém được tá sửy Phan Dung, Hữu sửy Phan Siêu. Binh Xiêm thua chạy tán loạn. Trần Quang Diệu và Lê Trung đẹp yên biên giới, kéo binh về Tuyên Quang đánh Nùng Phục Tân và Huỳnh Văn Đổng. Tân, Đổng chống không nổi bị chém tại trận tiền. Lê Duy Chỉ trốn không thoát cũng bị giết.

Mùa Xuân năm Tân Hợi (1791), vua Ai Lao là Chiêu An không chịu triều cống, Trần Quang Diệu lại được cử đem binh sang vấn tội. Trận ra quân này có nữ tướng Bùi Thị Xuân tháp tùng. Quân Ai Lao chống cự không lại, sợ hãi xin hàng. Ở lại bình định một thời gian, hai vợ chồng kéo binh về nước, chuẩn bị sang đánh Miến Điện. Vua Miến Điện hay tin liền sai sứ sang xin thông hiếu, từ ấy bờ cõi phía Tây cũng như phía Bắc được yên ổn.

Một đời trung nghĩa, đến chết mới thôi
Bùi Thị Xuân tuy là thân nữ nhi nhưng tâm lòng trung nghĩa của bà đối với nhà Tây Sơn cũng sáng ngời sử xanh. Có thể nói cuộc đời của bà từ lúc sinh ra cho đến lúc mất là dành cho sự nghiệp Tây Sơn vậy.

Sau khi Quang Trung mất, nhà Tây Sơn bắt đầu suy vong. Thái sư Bùi Đắc Tuyên nhân văn còn nhỏ tuổi lộng quyền, hăm hãi trung thần, vạn nước ngàn sông suy yếu nên nói đánh mất cả kinh đô Phú Xuân.

Thịs quân năm 1802, vua Cảnh Thịnh sai em là Nguyễn Quang Thủy

EPOCH TIMES Số 04, Tháng 09/2020

Trời vừa rạng sáng, thì chiến cuộc cũng vừa dứt. Kết quả là 300 chiến thuyền và 2 vạn thủy binh của Xiêm cũng một số quân của chúa Nguyễn, không dấy một ngày, đã bị quân Tây Sơn phá tan.



Trời vừa rạng sáng, thì chiến cuộc cũng vừa dứt. Kết quả là 300 chiến thuyền và 2 vạn thủy binh của Xiêm cũng một số quân của chúa Nguyễn, không dấy một ngày, đã bị quân Tây Sơn phá tan.

vào trấn giữ Nghệ An, còn tự mình cầm quân đi đánh chiếm lại Phú Xuân. Trong chiến dịch này, Bùi Thị Xuân được lệnh đem 5.000 quân đi hộ giá. Lịch sử gọi trận đánh này là trận đánh lữ Trần Ninh.

Cùng sự canh tân quân đội học tập từ Tây Phương và các quân tướng tối luyện qua nhiều năm chiến đấu, quân nhà Nguyễn giờ đây không yếu ớt như xưa nữa, mà đã trở thành một đạo quân rất hùng mạnh. Quân Tây Sơn tiến công cả ngày đêm nhưng không xuyên nổi phòng tuyến quân Nguyễn. Thấy tình thế ngày càng bất lợi, Bùi Thị Xuân cười voi liêu chết đánh thẳng từ sáng đến chiều vào lũy Trấn Ninh, nơi chúa Nguyễn Phúc Ánh đang có thủ, máu và mồ hôi uớt đầm áo giáp, làm cho quân tướng và cả chúa Nguyễn cũng nao núng. Nhưng trời không chiều người, những tướng có thể chuyển bại thành thắng thì ngày lúc đó tướng Nguyễn Văn Trương đã phá tan thủy binh Tây Sơn ở cửa biển Nhật Lệ (Quảng Bình), cướp được hầu hết tàu thuyền, tướng trần của biển là Nguyễn Văn Kiên cũng đã đầu hàng. Đội quân của bà dưới áp lực đó đã hơi hoảng bỏ cả vũ khí để tháo chạy, vua Cảnh Thịnh cũng đánh hạ lệnh cho lui binh. Bùi Thị Xuân khuyến

vua cố đánh tiếp nhưng không được. Bấy giờ chồng bà là Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng không thể giữ Quy Nhơn, đưa quân theo ngã thượng đạo ra Nghệ An để hội với vua Tây Sơn lo việc chống giữ. Vừa đến huyện Hương Sơn thì được tin thành Nghệ An đã bị hạ. Được may hóm, cả hai vợ chồng đều bị bắt.

Vốn đã nhiều phen khốn đốn với tài cầm quân của hai vợ chồng bà, sau khi chiều đầu Trần Quang Diệu không xong, chúa Nguyễn đã ra lệnh chém đầu Trần Quang Diệu, riêng Bùi Thị Xuân và con gái bà nhà Nguyễn xử bằng hình phạt tàn khốc nhất... voi dấy.

Lời kết

Lời nói: “Ta thà làm vua nước Nam chứ không thèm làm Vương đất Bắc” của Trần Bình Trọng và bài thơ Chinh Khí Ca của Văn Thiên Tường đầu qua mấy trăm năm vẫn làm trái tim bao người ái quốc phải rung lên vì khâm phục.

Bỏ qua hết những bùa riu công tội của sử gia phe trung nghĩa, ta chỉ thấy một tâm lòng trung nghĩa chói lọi đến ngày nay cho một nữ kiệt võ song, đáng kính thay. Quả đúng là:

*Cần câu do tư báo quốc cứu
Khả liên di hận phò đông lưu
Đại lan môi độc Tây Sơn sử
Phảng phất hương dung hiện án đầu.
(Vịnh phu nhân Bùi Thị Xuân - Nguyễn Bá Huân (1853- 1915))*

Dịch thơ:
*Phận gái lo tròn chuyện nước non
Thương thay mới hận chảy về dòng
Đêm khuya lán dọc Tây Sơn sử
Phảng phất dung nhan trước án càn.
(Bản dịch của Việt Thương).*



Một bức tranh được vẽ vào khoảng thế kỷ 17 (Bảo tàng Nghệ thuật Los Angeles), được cho là đã cập đến bệnh dịch ở Athens.

Dịch bệnh: Khúc nhạc dạo đầu báo hiệu sự thay đổi triều đại

Tiếp theo từ trang 1

nhanh chóng đi vào suy bại. Nguyên nhân gây bệnh cho đến tận hôm nay vẫn là điều khiến các học giả bàn cãi phân vân. Nhưng người đời sau lại có thể nhận thức được rằng, người Athen khi gần đến thời điểm hủy diệt thì đạo đức cực kỳ suy bại. Xa xỉ phù hoa, loạn luân, đồng tính luyến ái, tàn bạo và giết chóc... cuồng loạn suốt đêm ngày dường như đã trở thành lối sống chủ yếu của người Athen thời đó vậy.

Đại dịch Đông Hán: Vương triều mặt thế

Những năm cuối đời Đông Hán, ngoài thành Lạc Dương vắng bóng chân người, có mọc um tùm, đã từ lâu thừa vầng cảnh ngụa xe như nước và quang cảnh phồn hoa như gấm ngày nào.

Ngoài nguyên nhân chiến tranh loạn lạc thì dịch bệnh cũng là thủ phạm giết người hàng loạt. Những năm đó hoạn quan làm loạn triều chính, Đổng Trác đoạt quyền hành khiến chính trị hủ bại, thuế khóa nặng nề, bách tính không biết dựa vào đâu mà sống, Trời giáng các loại thiên tai dịch bệnh.

Theo sử sách ghi chép, chỉ mấy năm cuối thời Đông Hán đã có trên 10 lần xảy ra dịch bệnh trên phạm vi toàn quốc. Dường thời mọi người đều gọi chung là "thương hàn". Người mắc bệnh sốt cao, khô khè khó thở, rồi chết. Bệnh phát nhanh, tỷ lệ tử vong cao, trên thân xuất hiện những vết tụ máu.

Năm Diên Hi thứ 9 đời Hoàng Đế (năm 166), sử sách viết: "Hôm nay trên trời có xuất hiện dấu hiệu lạ, mặt đất phun ra yêu khí,

nhân gian có dịch bệnh".

Năm Kiến Ninh thứ 2 (169), sử sách viết: "Dịch bệnh hoành hành, người chết cực nhiều".

Trong sách "Thương hàn luận", Trương Trọng Cảnh ghi chép rằng: "Năm Kiến An thứ nhất đến năm thứ 9 đời Hán Hiến Đế, gia tộc ông vốn có trên 200 người, đã chết 2 phần 3, trong đó 7 phần 10 chết vì thương hàn".

Kinh đô Lạc Dương nhà Hán trên một nửa dân số chết vì dịch bệnh. Tào Tháo miêu tả: "Nhà nhà có nói đau vì có người chết, có tiếng khóc lóc đau buồn".

Dịch bệnh hoành hành, tăng lớp văn nhân, quý tộc cũng khó thoát khỏi kiếp nạn. Trong "Kiến An thất tử" (7 nhân vật nổi tiếng thời Kiến An) thì 4 người là Từ Cán, Trần Lâm, Ưng Dương, Lưu Trinh cũng bị chết trong dịch bệnh năm Kiến An thứ 22. Theo tài liệu của quan phủ ghi chép, từ năm Vĩnh Thọ thứ 3 đời Hán Hoàn Đế (năm 157) đến năm Thái Khang thứ nhất đời Tân Vũ Đế (năm 280), dân số toàn quốc là 56.5 triệu người đã giảm xuống còn trên 16 triệu người.

Những năm cuối đời Đông Hán, chính trị thời nát, xã hội loạn lạc và dịch bệnh hoành hành khiến cho hào kiệt trong dân gian phát có nổi dậy, quân hùng tranh quyền đoạt lợi, mở màn thay triều đổi đại.

Bệnh dịch hạch cuối đời Minh và cuối đời Thanh: Khúc nhạc dạo đầu thay đổi triều đại

Bệnh dịch hạch còn được gọi là "dịch bệnh số một", là thiên dịch hàng đầu của nhân loại.

Bệnh dịch hạch còn được gọi là "dịch bệnh số một", là thiên dịch hàng đầu của nhân loại. Con chuột bé tí xíu lại có thể kết thúc một vương triều suy bại, là sự thực lịch sử...

Con chuột bé tí xíu lại có thể kết thúc một vương triều suy bại, là sự thực lịch sử mà những người thông trị rất khó tưởng tượng nổi nhưng buộc phải chấp nhận.

Con người có sinh lực bệnh tử. Một vương triều cũng có quá trình sinh ra, phát triển, phồn vinh và suy bại. Triệu Đại Minh trong những năm Sùng Trinh đã là một ông lão bước đi run rẩy như ngọn đèn trước gió rồi. Quân vương lực bất tòng tâm, triều thần ai nấy có tư tâm, quan phủ ngang ngược vor vét, bách tính như sống trong nước sôi lửa bỏng... tất cả đều đã xa rời Thiên Đạo.

Năm Vạn Lịch thứ 8, bệnh dịch nổ ra ở Đại Đông, Sơn Tây, 10 nhà thì 9 nhà mắc bệnh. Người bệnh có sưng to, dân gian gọi là bệnh đầu to, chỉ một hai ngày là tử vong. Bệnh truyền nhiễm rất mạnh, người bệnh, người chết không ai hỏi han, vì ai này đều sợ lây bệnh.

Năm Sùng Trinh thứ 6 (năm 1633), bệnh dịch hạch phát tác từ Sơn Tây, đến năm 1641 thì lan đến Bắc Kinh. Mùa hè năm đó, người ta nhìn thấy chuột kết thành từng bầy từng đàn nơi đười nhau bơi vượt sông ngòi như đoàn quân cầm tử rôi tiến vào địa giới tỉnh Hải Nam và Hà Bắc. Cả vùng Hoa Bắc bị chuột chiếm lĩnh. Năm đó lại xảy ra đại hạn, nạn châu chấu, mất mùa và dịch bệnh khiến 60% người dân thiệt mạng. Sử sách ghi chép: "Ngoài đường người chết đói ngổn ngang, người chết chỉ được chôn bằng manh chiếu". 40% số người sống sót còn lại không làm ăn mà chỉ làm kẻ cướp.

Trong kinh thành, nỗi khiếp sợ của mọi người không dùng lời nào diễn tả nổi. Vào mùa hè, mùa thu, nếu ai trên thân thể xuất hiện một cục thịt nổi lên thì chưa đến một canh giờ đã tuyệt mệnh. Bệnh dịch hạch này gọi là "dịch mụn nhọt". Số người chết trong toàn kinh thành lên đến 40% - 50%. Rất mau chóng, bệnh dịch hạch đã lan khắp đến khu vực ngoại ô như Thông Huyện, Bình Xương...

Năm Sùng Trinh thứ 16, theo

sử sách ghi chép: "Toàn quốc xảy ra nạn đói, dịch bệnh hoành hành"; đã xuất hiện "dịch bệnh mụn nhọt, bệnh lông cừu", người bệnh thở ra nước và máu như nước dưa hấu, sau đó lập tức tử vong. Những vùng như Giang Tô, Chiết Giang... hàng triệu người đã tử vong.

Năm Sùng Trinh thứ 17, khi Lý Tự Thành dẫn 55 vạn quân đánh vào thành Bắc Kinh thì bệnh dịch hạch đã hoành hành hơn một năm rồi, trên phòng tuyến kinh thành nhà Minh, một người lính suy nhược phải chột giữ 3 lô châu mai, tướng như là đang dùng kế thành tựu để phục binh.

Cũng trong năm đó, quân Thanh tiến vào Trung Nguyên, Thuận Trị đảng cơ xưng đế. Kỳ lạ là bệnh dịch hạch như là có giao ước với quân đội triều Thanh vậy, khi quân Thanh đến thì rút đi hết, bóng chốc tuyệt vô tông ảnh. Bình lính nhà Thanh cũng không ai bị nhiễm bệnh.

Bệnh dịch hạch trên phạm vi thế giới đã xảy ra 3 lần, lần thứ 3 bắt đầu từ Văn Nam Trung Quốc. Năm 1894 bệnh dịch hạch lan đến Quảng Châu rồi đến Hồng Kông. Dịch bệnh dài mấy chục năm đã tràn ra khắp Châu Á, Âu Châu, Châu Mỹ... khiến gần 10 triệu người ở trên 60 quốc gia bị tử vong.

Năm 1894, nhà vi trùng học Nhật Bản là Kitasato Shibasaburo cho rằng, nguyên nhân gây bệnh dịch hạch là vi khuẩn hình que bệnh dịch hạch, chỉ có thể là từ chuột lây sang người, còn giữa người với người thì không bị lây nhiễm.

Năm 1911 giáo sư hàng đầu của Y học đường Bắc Dương là Mesny người Pháp cũng có quan điểm tương đồng. Ông chủ trương diệt chuột là có thể diệt dịch. Nhưng thật bất hạnh là giáo sư Mesny sau đó không hiểu sao đã chết vì bệnh dịch hạch mà hoàn toàn không tiếp xúc với bất kỳ loài động vật nào thuộc họ chuột.

Sau dịch bệnh dịch hạch khiến 6 vạn người vùng Đông Bắc Trung Quốc bị chết này, một học giả người Hoa sinh ra ở Malaysia là Ngũ Liên Đức

được Chính phủ Dân quốc ủng hộ đã không chế được dịch bệnh. Ông cho rằng vì khuôn hình que bệnh dịch hạch cũng có thể lây từ người sang người. Ông đã dùng biện pháp cách ly và hỏa táng thi thể, đã không chế và dập tắt được dịch bệnh. Vì vậy ông được coi là người mở đầu ngành Phòng dịch học của Trung Quốc cận đại.

Đạo đức suy bại có lẽ là nguyên nhân sâu xa dẫn đến nên văn minh bị hủy diệt. Việc này rất đáng để con người hôm nay suy nghĩ, cảnh giác và tự răn mình.

Đại dịch La Mã cổ đại: Thần trừng phạt, để quốc La Mã vỡ mộng phục hưng

Trong khoảng thời gian từ năm 56 đến năm 565, La Mã đã xảy ra 4 lần đại dịch. Số người chết nhiều đến nỗi đế quốc La Mã đang từ cường thịnh trở thành suy yếu.

Ba lần dịch bệnh đầu tiên xảy ra vào thời kỳ thống trị của Nero năm 65, thời kỳ thống trị của Marcus Aurelius (164-180), và thời kỳ thống trị của Gaius Claudius (250-270). Chính trong thời gian hơn 200 năm này là thời kỳ Cơ Đốc giáo bị các Hoàng đế La Mã bức hại nghiêm trọng.

Chúa Jesus bị lãnh tụ Do Thái giáo vu tội "muru phàn" và đóng đinh lên giá thập tự. Aurelius đã bắt đầu, chân tay của vô số tín đồ Cơ Đốc giáo rớt treo khắp các phố. Để kích động cuộc bức hại, các học giả La Mã đã bịa đặt ra lời dối trá rằng các tín đồ Cơ Đốc uống máu trẻ em. Do đó các học giả Cơ Đốc cho rằng, ba lần đại dịch là sự trừng phạt nghiêm khắc của Thần đối với việc người La Mã bức hại Cơ Đốc giáo. Ba Hoàng đế đã từng hạ lệnh bức hại các tín đồ Cơ Đốc giáo đều bị báo ứng, bị lây bệnh trong các đợt đại dịch mà chết.

Đại dịch bệnh lần thứ tư ở La Mã là bệnh dịch hạch xảy ra vào thời kỳ thống trị của Justinianus năm 541, sử sách gọi là "Dịch hạch Justinianus". Đây cũng là lần đại dịch hạch đầu tiên trong ba lần đại dịch hạch trong lịch sử thế giới. Theo ghi chép của nhà văn Procopius, thời cao điểm, Byzantine (tên gọi khác của Đế quốc La Mã) mỗi ngày chết 16,000 người, "Tất cả các cư dân đều giống như những quả nho xanh đẹp bị vắt kiệt nước, bị xé nát một cách tàn nhẫn".

Nhà sử học John miêu tả: "Mọi người đang trò chuyện với nhau, đột nhiên họ bắt đầu lắc lư, sau đó đổ gục xuống pho hay trong nhà. Một người tay đang cầm dụng cụ, đang ngồi đó làm đồ thủ công mỹ nghệ, đột nhiên ngã ngựa, linh hồn rời cơ thể. Một người đang mua thực phẩm trong chợ, trong khi đang mặc cả hoặc đếm tiền thì cái chết đột nhiên ập đến người mua hoặc người bán, hàng hóa và tiền vẫn còn ở giữa nhưng không có ai trong số họ nhặt lấy..."

Người bệnh dịch hạch thường có biểu hiện sốt cao, bẹn, hạch và có nổi hạch lớn, sau khi chết



SHUTTERSTOCK



Bức tranh khắc dựa trên tác phẩm của tác phẩm "The Plague in Rome" (Tạm dịch: Dịch hạch ở thành Rome) họa sĩ của Jules-Elie Delaunay, 1869. Người bị bệnh dịch hạch chết đầy đường phố. Ở trung tâm bức tranh diễn tả cảnh Thần chết đang tấn công vào một cảnh công trong thành Rome.

đa thường màu tím, có nốt đen nên được gọi là "cái chết đen". Các học giả đời sau nói tỷ lệ tử vong ở Byzantine lên đến 75%, "ở Byzantine hoàn toàn không nhìn thấy người nào mặc quần phục, nhất là sau khi Hoàng đế cũng bị lây bệnh. Dịch bệnh khiến hiếm người đi lại trên phố; đôi khi cũng có người xuất hiện, nhưng người đó nhất định là sẽ kéo theo một thị thế."

Rất nhiều các học giả Cơ Đốc giáo cho rằng, những đợt tai nạn này là "sự trừng phạt của Thượng Đế đối với tội ác của nhân loại". Có nhà nghiên cứu ước tính dịch bệnh này có thể khiến 25 triệu người trên bờ biển Địa Trung Hải tử vong.

Trước khi dịch bệnh giáng xuống, cuộc chinh phục của Justinianus lên đến cao trào. Ông ta ôm giấc mộng phục hưng Đế quốc La Mã; ông hoàn toàn không hề ngờ rằng giấc mơ của ông chỉ còn là đợt đại dịch của bệnh dịch hạch tàn nhẫn. Từ đó sức ảnh hưởng của La Mã đối với văn minh Âu Châu bị gục ngã và không thể gượng lên nổi nữa.

Tuy nhiên cũng vào thời đó, có rất nhiều tín đồ Cơ Đốc giáo đã không sợ sinh tử, trong đại dịch đã dốc hết sức giúp đỡ những người mắc bệnh; họ cầu nguyện Thượng Đế, ở cùng với người bệnh, tiếp xúc gần bên, giúp họ chôn cất thi thể người nhà. Với nỗ lực của các tín đồ, Cơ Đốc giáo đã rất nhanh

Những người đàn ông và phụ nữ mắc bệnh dịch hạch với những nốt mụn màu đen đặc trưng trên cơ thể - Bức tranh thời Trung cổ từ Kinh thánh tiếng Đức năm 1411 từ Toggenburg Thụy Sĩ.

chống giáng được danh thơm ở Byzantine; từ đó đón nhận thời kỳ toàn thịnh của Cơ Đốc giáo sau khi bức hại bị giải trừ.

Rất nhiều các học giả Cơ Đốc giáo cho rằng, những đợt tai nạn này là "sự trừng phạt của Thượng Đế đối với tội ác của nhân loại".

Bức tranh "The Torches of Nero", 1882 của họa sĩ Henryk Siemiradzki, miêu tả những tín đồ Cơ Đốc giáo bị biến thành những ngọn đuốc thấp sáng vào ban đêm dưới thời trị vì của vua Nero. La Mã cổ đại.

Dịch bệnh dường như khiến toàn bộ Âu Châu rơi vào ngày tận thế. Trong những ngày tận thế này, trong tâm mọi người đều có sự lựa chọn riêng. Có người hành lạc; có người cầu khẩn Thượng Đế; có người xa tránh thế nhân; có người kiên cường chống lại dịch bệnh và giúp đỡ người khác.

Nhà truyền giáo Hilliac đã báo cáo Đức Giáo Hoàng rằng: "Hình tượng kỳ lạ trên không trung là điềm báo đại dịch xảy ra. Một giờ chiều ngày 20 tháng 3 năm 1345, ba hành tinh hội tụ ở chòm sao Báo Bình. Đây là dấu hiệu chết chóc..."

Việc này hoàn toàn trùng khớp với luận đoán của nhà chiêm tinh học Jeffery: năm 1315 và năm 1337 sẽ lần lượt

xuất hiện sao chổi; năm 1325 sẽ xuất hiện sao Mộc và sao Thổ gặp nhau, đều là dự báo đối với bệnh cái chết đen.

Khi người ta hiểu được rằng dịch bệnh là sự trừng phạt của Đấng Tối cao lên tội lỗi của con người, thì đã có những người dùng roi ra sức đánh bản thân, với hy vọng giảm thiểu tội lỗi của mình, để được Thượng Đế khoan thứ và thoát khỏi dịch bệnh.

Đó không phải là điều Thượng Đế cần, hơn nữa lại không có tác dụng đối với việc không chế dịch bệnh. Giáo hội thời Trung cổ đã bước quá sâu vào hình thức và chính trị. Trong đại dịch cái chết đen ở Âu Châu, các giáo sĩ còn đang mải lo chạy thoát mạng, so với các tín đồ thời kỳ đại dịch dịch hạch Justinianus thì các giáo sĩ này đã rời xa kỳ vọng của Thượng Đế... ngày càng xa.

Hiện tượng kỳ lạ trong đại dịch

Người trải qua đại dịch dịch hạch Justinianus là Iva Griels - nhà sử học đương thời đã viết: "Có người chạy trốn khỏi thành phố đang có dịch, bản thân họ cũng rất khỏe mạnh, nhưng họ lại đem dịch bệnh lây truyền đến quan thể người chưa nhiễm bệnh. Cũng có một số người thậm chí sống cùng với những người nhiễm bệnh, họ không những không bị lây bệnh; thậm chí có người còn tiếp xúc với những người chết, nhưng họ hoàn toàn không bị lây nhiễm."

"Còn có người vì mất đi tất cả con cái và người thân nên đã chủ động ôm người chết; hơn nữa vì đã đạt được mục đích chết nhanh chóng, họ còn tựa vào những người bệnh, nhưng dường như bệnh tật không để họ đạt được mong muốn; cho dù thế nào, họ vẫn khỏe mạnh như xưa."

Theo ghi chép của học giả đương thời Procopius, người khỏe mạnh sau khi bị nhiễm bệnh cái chết đen thì "khí đột nhiên sốt nhẹ sẽ nhìn thấy những thứ như ma quỷ, những bóng ma". Về đại thế, ghi chép của John đương đống với của Procopius "đầu tiên là ảo giác, thấy những bóng ma không đươg màu đen và trắng, các hạch sưng to hoặc xuất hiện những mụn nhọt màu đen đều sẽ chết ngay trong ngày".

Dịch bệnh theo quan niệm của người phương Đông

Trong văn hóa Thần truyền phương Đông, có thuyết Thiên Nhân hợp nhất nói rằng: Khi bậc quân vương hoặc các bề tôi, người dân mà đạo đức suy bại, trái với Thiên ý thì sẽ bị Trời trừng phạt, mà dịch bệnh, động đất là một trong những phương thức trừng phạt đó.

Cần cứ theo ghi chép của người thời nhà Minh thì thời kỳ bệnh dịch hạch ở cuối thời nhà Minh có 2 lần trọng vật chôn lam vô độ, ngang nhiên mò đến nhà những người chết để lấy trộm đó. Một tên trên mái tiếp ứng; một tên lấy đồ từ nhà người chết ra ném lên mái nhà. Vào đúng lúc tên người đó có sự lựa chọn riêng. Có người hành lạc; có người cầu khẩn Thượng Đế; có người xa tránh thế nhân; có người kiên cường chống lại dịch bệnh và giúp đỡ người khác.

Dịch bệnh dường như khiến toàn bộ Âu Châu rơi vào ngày tận thế. Trong những ngày tận thế này, trong tâm mọi người đều có sự lựa chọn riêng. Có người hành lạc; có người cầu khẩn Thượng Đế; có người xa tránh thế nhân; có người kiên cường chống lại dịch bệnh và giúp đỡ người khác.

Nhà truyền giáo Hilliac đã báo cáo Đức Giáo Hoàng rằng: "Hình tượng kỳ lạ trên không trung là điềm báo đại dịch xảy ra. Một giờ chiều ngày 20 tháng 3 năm 1345, ba hành tinh hội tụ ở chòm sao Báo Bình. Đây là dấu hiệu chết chóc..."

Việc này hoàn toàn trùng khớp với luận đoán của nhà chiêm tinh học Jeffery: năm 1315 và năm 1337 sẽ lần lượt



PEXELS/SHUTTERSTOCK



PUBLIC DOMAIN



Tác giả kiêm người dẫn chương trình trên sóng phát thanh Michael Medved.

COURTESY OF MICHAEL MEDVED

“
... Không có Hoa Kỳ thì
sự trôi dạt của lực lượng
và ác biến dị đó là không
thể tưởng tượng nổi.”

Michael Medved

MICHAEL MEDVED nói về vai trò lịch sử của Hoa Kỳ

CATHERINE YANG

Cuốn sách “God’s Hand on America - Bàn tay Chúa đặt lên Hoa Kỳ” của tác giả kiêm người dẫn chương trình nổi tiếng Michael Medved là cuốn sách thứ hai của ông trình bày ý tưởng rằng không chỉ công dân Hoa Kỳ mà mọi người trên khắp thế giới đều kính ngạc trước vận may kỳ lạ của Hoa Kỳ. Ông cũng chỉ ra rằng đó không đơn giản chỉ là Hoa Kỳ được thụ hưởng đặc ân mà Chúa ban tặng, mà đó là để Hoa Kỳ nỗ lực phụng sự cho một mục đích cao cả.

Medved nói trong cuộc phỏng vấn cuối tháng trước, “Chúng ta không được chọn vì chúng ta rất vĩ đại, mà chúng ta trở nên vĩ đại vì chúng ta được chọn, và được chọn cho một sứ mệnh đặc biệt tương xứng với một phước lành đặc biệt”.

Với phụ đề “Sự thiêng liêng của Chúa trong kỷ nguyên hiện đại”, cuốn sách cho chúng ta thấy phép màu liên tiếp tái hiện ngay cả trong những thời điểm chúng ta hoài nghi khi thấy nó. Cuốn sách nêu ra khá nhiều ví dụ về những trải nghiệm cận kề cái chết tại một thời điểm nhất định đã đưa tới những tác động sâu rộng mà chúng ta không thể nhận ra cho đến tận nhiều thập kỷ sau, với kết quả bất hợp lý đến mức chỉ có thể gọi là phép lạ.

Medved nhắc đến những di sản vĩ đại của TT Abraham Lincoln, người đã chiến thắng một cách vô cùng bất ngờ trong chiến dịch tranh cử tổng thống.



Hồi 5, 6 tuổi, Martin Luther King Jr. đã trải qua 3 vụ tai nạn mà lẽ ra đã tử vong; một lần khác là năm 12 tuổi. Ông vẫn đùa rằng: “Tôi đoán rằng Chúa luôn trông chừng tôi. Hẳn là vì thế mà ngài đã cho tôi một cái đầu rất cứng.”

TT Lincoln, người tự gọi mình là một “công cụ khiêm tốn” của thần, và một vài nhà lãnh đạo khác, tất cả đều có những cuộc chạm trán khác thường với cái chết mà khiến họ tin rằng họ được cứu vì vài lý do đã được an bài - Theodore Roosevelt (vài lần), Winston Churchill (khi ở trên đất Hoa Kỳ), Franklin Roosevelt, Martin Luther King Jr. (rất nhiều lần). Chúng ta hãy cùng xem lại những câu chuyện của họ một cách chi tiết và sống động trong cuốn sách với sự lạc quan và biết ơn.

Tác động sâu xa

Một trong những câu chuyện ít được biết đến trong cuốn sách kể về ngoại trưởng của TT Lincoln, William Henry Seward.

Seward bước vào con đường sự nghiệp dần dần trở thành một thành viên trong nội các của TT Lincoln sau một trải nghiệm cận kề cái chết khi ông ngã khỏi xe ngựa. Nhiều thập kỷ sau, Seward lại bị tai nạn xe ngựa lần thứ hai, bác sĩ đã phải đeo một chiếc nẹp kim loại quanh quai hàm và băng đầu ông; điều này đã giúp ông thoát khỏi bàn tay tử thần khi một kẻ ám sát trong một âm mưu nhằm vào chính phủ Lincoln đã đột nhập vào nhà ông lúc nửa đêm. Lincoln đã chết trong vụ ám sát này, nhưng Seward đã sống sót.

Điều này tạo ra hoàn cảnh chính trị độc đáo để Seward mua được Alaska, một việc mà sau này có ảnh hưởng tới kết quả của Chiến tranh Lạnh. Kỳ lạ hơn nữa, Seward



William Henry Seward.

đã quyết định gán như băng quơ vé việc mua một cụm các hòn đảo nhỏ (Đảo san hô vòng đại Midway) nằm giữa California và Châu Á, nơi 75 năm sau diễn ra trận chiến kỳ diệu mang tính quyết định giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Năm 2020 và năm 1968

Năm 1968 là một năm hỗn loạn khởi đầu với vụ ám sát Martin Luther King Jr., tiếp đó là vụ ám sát Robert Kennedy.

Có rất nhiều điểm tương đồng giữa năm 1968 và năm 2020. Medved trích dẫn một vài cuộc thăm dò gần đây cho thấy 80% công dân Hoa Kỳ cảm thấy năm nay thật bất ổn và ngoài tầm kiểm soát. Ông cho biết đây cũng là cảm giác mà dân chúng cảm thấy ở năm 1968, khi bạo lực tràn lan ở các thành phố lớn. Tuy nhiên, các vụ bạo động năm nay không thể so sánh với 150 vụ bạo loạn xảy ra sau cái chết của Dr. King năm đó.

Dân chúng cũng có cảm giác khủng khiếp về sự sụp đổ của hệ thống chính trị, khi chính trị gia theo chủ nghĩa tách biệt George Wallace giành được 46 phiếu đại cử tri và nắm giữ 5 bang độc lập; trong khi Richard Nixon chiến thắng với 43.4% số phiếu phổ thông so với 42.7% của Hubert Humphrey. Wallace kết thúc với chỉ dưới 13% số phiếu phổ thông.

Có những thời điểm người ta cho rằng Hoa Kỳ đang trên đà trượt dốc về đạo đức không thể挽回. Tuy nhiên, dân chúng vẫn nhận ra vai trò đặc biệt của Hoa Kỳ có thể vẫn còn đó. Medved đã thảo luận chi tiết hơn về điều này trong cuốn “10 điều

đổi trả lớn về Hoa Kỳ”; đồng thời cũng cho rằng một xã hội thường xuyên tự phản biện và tự phê bình như Hoa Kỳ thật đặc biệt và rất đáng ngưỡng mộ.

Mục đích và Định hướng

Theo Medved, nếu Hoa Kỳ phủ nhận vai trò do Chúa ban tặng trong việc dân đất và truyền cảm hứng cho thế giới, thì điều đó sẽ khiến thế giới tồi tệ hơn rất nhiều. Ông không tin rằng Trung Cộng hay Nga hay Liên minh Âu Châu, hay bất kỳ liên minh quốc gia nào khác, có thể thay thế vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ. Phần còn lại của thế giới luôn gia tăng sự hỗn loạn, bạo lực và bất ổn xã hội, khiến cho Hoa Kỳ phải gánh vác trọng trách giúp đỡ và dẫn dắt trong một thời gian dài.

Ông nói, “Hầu hết công dân Hoa Kỳ không ý thức được là hàng trăm triệu, có thể là hàng tỷ sinh mệnh đã được cứu, thực sự được cứu chuộc trong 50 năm qua từ sự nghèo đói tuyệt vọng, từ chế độ chuyên chế tàn bạo đến mức đáng kinh ngạc... Người Hoa Kỳ nhìn vào Trung Quốc hiện nay và họ thấy đó là một chế độ độc tài tàn bạo và thối nát, nhưng họ không hề biết gì về Cách mạng văn hoá, về các cuộc thảm sát trên diện rộng vào thời Mao Trạch Đông hay của đế chế Xô Viết tàn ác với ít nhất hàng trăm triệu người đã chết, cái gọi là cuộc thử nghiệm cộng sản đã lan ra thế giới; không có Hoa Kỳ thì sự trôi dạt của lực lượng và ác biến dị đó là không thể tưởng tượng nổi.”

Ông coi Hoa Kỳ giống như cách mà TT Lincoln đã viết về mình, là “công cụ khiêm tốn” của ý chí thần thánh.

Medved nhấn mạnh, đừng nên hiểu lầm rằng Hoa Kỳ đặc biệt chỉ vì những đặc quyền, mà là khi đã được lịch sử giao phó cho một sứ mệnh đặc biệt thì Hoa Kỳ phải tìm cách tốt nhất để hoàn thành nhiệm vụ đó, kèm theo một góc ý là cần tham khảo Thủ tướng Đức Otto von Bismarck, người đã từng nói rằng, “Công việc của một chính khách là lắng nghe bước chân của Chúa trong lịch sử, sau đó bám chặt theo sau Ngài”.

Ông coi Hoa Kỳ giống như cách mà TT Lincoln đã viết về mình, là “công cụ khiêm tốn” của ý chí thần thánh.

Medved nhấn mạnh, đừng nên hiểu lầm rằng Hoa Kỳ đặc biệt chỉ vì những đặc quyền, mà là khi đã được lịch sử giao phó cho một sứ mệnh đặc biệt thì Hoa Kỳ phải tìm cách tốt nhất để hoàn thành nhiệm vụ đó, kèm theo một góc ý là cần tham khảo Thủ tướng Đức Otto von Bismarck, người đã từng nói rằng, “Công việc của một chính khách là lắng nghe bước chân của Chúa trong lịch sử, sau đó bám chặt theo sau Ngài”.

Hồng Xu biên dịch

Có một loại hôn nhân được gọi là bạn đời Thần Tiên

EPOCH TIMES



TÔ MINH CHÂN

Lộng Ngọc thổi khèn và tiếng tiêu đáp lại

Thời Xuân Thu, Tân Mục Công có một người con gái tên Lộng Ngọc. Tương truyền khi cô vừa tròn một tuổi, trong cung bày rất nhiều đồ đặc để trải nghiệm chỉ hướng tương lai, cô bé chỉ cầm một miếng ngọc bội rất đẹp và không muốn buông xuống, nên đặt tên này cho cô.

Khi lớn lên, Lộng Ngọc rất thông minh dung mạo tuyệt trần, nhưng bản tính yên tĩnh, muốn ở một mình trong thâm cung, và sở thích duy nhất là thổi khèn. Không có thầy dạy, nhưng cô có thể thổi những giai điệu tuyệt diệu, giống như tiếng hót của chim phượng hoàng.

Tân Mục Công rất yêu con gái, nên sai người chạm khắc ngọc thành một chiếc khèn bằng ngọc bích tặng con, lại xây cho con một tòa “Phượng lâu”, trước lầu có một đài cao gọi là “Phượng đài”.

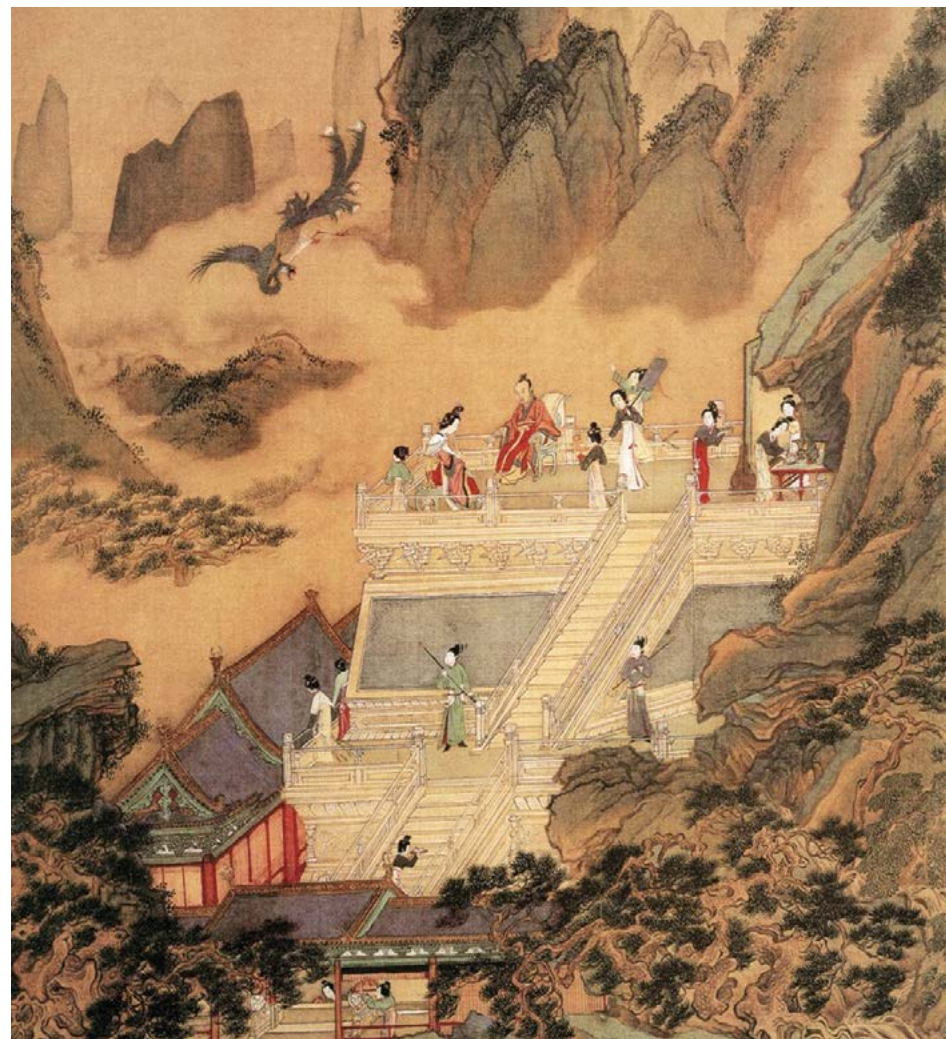
Khi Lộng Ngọc 15 tuổi, Mục Công muốn tìm chồng cho con, nhưng cô nói với cha: “Phải là người biết thổi khèn, có thể hòa xướng với cô, mới có thể cưới, nếu không thì không lấy chồng”. Tuy nhiên tìm khắp trong nước cũng không thấy ai.

Một buổi tối, ngồi nhàn rỗi trong Phượng lâu, nàng lấy khèn ra thổi, độc tấu trong không trung, thanh âm ôn nhu rất rõ. Trong gió nhẹ, chợt có tiếng sáo véo von, gió hây hây thổi, bỗng nghe như có người họa lại, khi gần khi xa. Lộng Ngọc không khỏi băn khoăn, bèn ngưng lại không thổi nữa, cố ý để nghe xem sao. Tiếng họa bỗng im đi, nhưng dư âm còn vang vọng không dứt, lúc này trời trong vắt không một bóng mây, trăng sáng như gương...

Lộng Ngọc bàng hoàng trước gió, như một người vừa đánh mất vật gì. Chốc đã nửa đêm, trăng xế hương tàn, nàng đem ống sáo để trên đầu giường, gắng gượng đi nằm. Nàng đang thiêm thiếp, bỗng thấy về phía tây nam trên trời, cửa mở rộng ra, hào quang ngũ sắc, rực rỡ như ban ngày, có một chàng trai trẻ tuổi, mũ lông áo hạc, cưỡi chim phượng trên trời xuống, đứng trước Phượng đài bảo nàng rằng: “Ta là chủ của núi Thái Hoa, Ngọc Hoàng Thượng Đế cho ta kết duyên với nàng, đến ngày trung thu này thì đổi ta gặp nhau, hào quang ngũ sắc, rực rỡ như ban ngày”. Chàng trai trẻ nói xong, lấy tay cỡi bồng ngọc tiêu đeo bên hông xuống, rồi đứng dựa lan can mà thổi.

Kết duyên phu thê cùng người trong mộng

Sáng hôm sau, Lộng Ngọc thuật lại



PUBLIC DOMAIN

*“Xuy tiêu dẫn phượng đi” trong “Nhân vật cổ sự đó sách” của họa sĩ Cửu Anh đời Minh, tranh lụa màu. Hiện lưu giữ ở Bảo tàng Cố Cung Đại Bắc.

chuyện chiêm bao cho Mục Công. Mục Công sai Manh Minh cử theo như hình tượng người trong mộng mà đến dò tìm ở núi Thái Hoa.

Người tiêu phu ở đây trở lên núi mà bảo: Có một người lạ mặt, cứ buổi chiều lại thổi chơi khúc ngọc tiêu, ở cách vài trăm dặm cũng nghe thấy, không rõ là người ở đâu. Chỉ biết đến làm nhà ở trên núi này.

Manh Minh lên núi, quả nhiên thấy có một người mũ lông áo hạc, trông như một vị Thần Tiên. Manh Minh liền mời về bãi kiến Mục Công. Người này họ Tiêu tên Sử, không biết thổi khèn, chỉ biết thổi tiêu.

Lộng Ngọc sai nội thị tâu với Mục Công để Tiêu Sử thổi tiêu.

Tiêu Sử mới dạo một khúc thì thấy có gió mát hây hây; thổi đến khúc thứ hai thì mây ngũ sắc tụ họp bốn mặt cuộn tới cung điện; đến khúc thứ ba thì có đôi hạc trắng múa lượn trên không, lại có mây đôi khổng lồ bay về đậu trên cây ngô đồng trước sân, tiếp đó hàng trăm con chim cùng tụ họp kêu riu rít; một lúc lâu rồi mới tan đi.

Lộng Ngọc quan sát kỹ, nhận ra chiếc tiêu tử ngọc trong tay Tiêu Sử chính là cái mình đã nhìn thấy trong mơ, trong lòng mừng thầm, nhận ra mình đã tìm được người trong mộng.

Mục Công lại hỏi chàng thanh

niên về nguồn gốc của khèn và tiêu. Tiêu Sử đáp, khèn và tiêu là cùng loại, đều là từ tiếng chim phượng hoàng hót mà biến đổi thành. Khèn là Nữ Oa phát minh, với ý nghĩa vạn vật sinh sôi nảy nở; Tiêu là do Phục Hy phát minh, có nghĩa là quét sạch, có thể dùng thanh lý những thứ không tốt trong thiên địa.

Mục Công lại hỏi: “Người thổi tiêu, tại sao có thể kêu gọi hàng trăm con chim tới như vậy?”

Tiêu Sử đáp: “Tiếng tiêu rất giống tiếng chim phượng hoàng. Trước đây vua Thuần đế đầu khúc Tiêu Thiệu, phượng hoàng nghe thấy liền bay tới hạnh lộ. Chim phượng là vua của các loài chim, còn bay tới, huống chi là các giống chim khác?”

Mục Công chứng kiến Tiêu Sử thổi tiêu, đã có thể thông thiên cảm địa, hành động cử chỉ phượng khoáng, phong độ phan nhện nhẹ nhàng, nên cho làm phò mã. Ngày Lộng Ngọc và Tiêu Sử kết nghĩa phu thê, cũng trùng hợp đúng vào tết trung thu.

Phu thê cưới rờng phượng bay lên trời

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng Lộng Ngọc thường xuyên ở Phượng đài luyện khèn, tiêu. Tiêu Sử dạy Lộng Ngọc tập thanh âm loan phượng, tiếng khèn tiếng tiêu tương hòa, ôn nhu, hòa nhã.

Lộng Ngọc phát hiện, chồng mình không ăn cơm, chỉ thỉnh thoảng uống rượu hoặc ăn ít hoa quả. Sau đó, anh cũng mang thuật tịch cốc truyền lại cho vợ. Cứ như vậy, hai vợ chồng không ăn không uống, khác khổ tu hành, nhiều năm không xuống Phượng lâu. Vốn đã không có chuyện nam nữ, lại không ăn đồ ăn ở nhân gian, hai người ngày càng tâm tịnh thần thê nhẹ nhàng.

Hơn mười năm sau, tiếng tiêu của Lộng Ngọc thì cũng giống như tiếng hót của chim phượng, thanh tịnh thâm thê nhẹ nhàng. Phượng hoàng nghe được cảm thấy rung động, nên thường xuyên bay từ bầu trời xuống, đậu trên mái nhà của họ.

Một đêm nọ, Tiêu Sử và Lộng Ngọc đang hòa tấu dưới trăng, đột nhiên có chú chim phượng hoàng màu tím đậu bên trái Phượng đài, lại có một con rờng bay qua phía bên phải Phượng đài.

Biết rằng thời cơ đã đến, Tiêu Sử nói cho Lộng Ngọc biết bí mật mà anh đã giấu trong nhiều năm:

“Tôi vốn là Tiên nhân trên trời,

bởi sách sử nhân gian bị tán loạn, nên Thượng Đế phái tôi xuống chỉnh lý. Ta sinh ngày 5 tháng 5 năm thứ mười bảy Chu Tuyên Vương trong một gia đình Tiêu thị thời Tây Chu, tên là Tiêu Tam Lang. Sau khi hoàn thành chỉnh lý điển sách có, người đời nhà Chu gọi tôi là Tiêu Sử, tính đến nay đã hơn 110 tuổi. Thượng Đế lại lệnh cho tôi làm chủ nhân của Hoa Sơn, vì có Tiên duyên với nàng, nên dùng tiếng tiêu hòa hợp kết duyên vợ chồng, cùng nhau tu hành. Hiện nay trần duyên đã tận, tu luyện đã viên mãn, không nên ở lại nhân gian nữa, hôm nay long phượng đến đón chúng ta về trời.

Lộng Ngọc muốn từ biệt cha mình, Tiêu Sử nói: “Thần Tiên là không có lo nghĩ, sao còn lưu luyến gia đình”. Nói rồi, Tiêu Sử cưỡi lên con rờng màu đỏ, Lộng Ngọc cưỡi lên con phượng màu tím, từ Phượng đài bay lên mây rói về trời.

PUBLIC DOMAIN



Bức tranh thời Tống “Tiên nữ cưới loan”.

Ngày hôm sau, Tân Mục Công biết chuyện, buồn rầu mà thở dài: “Chuyện Thần Tiên, thật sự là có tồn tại. Nếu có long phượng tới đón, ta cũng sẽ bỏ hết gia sản mà về trời”.

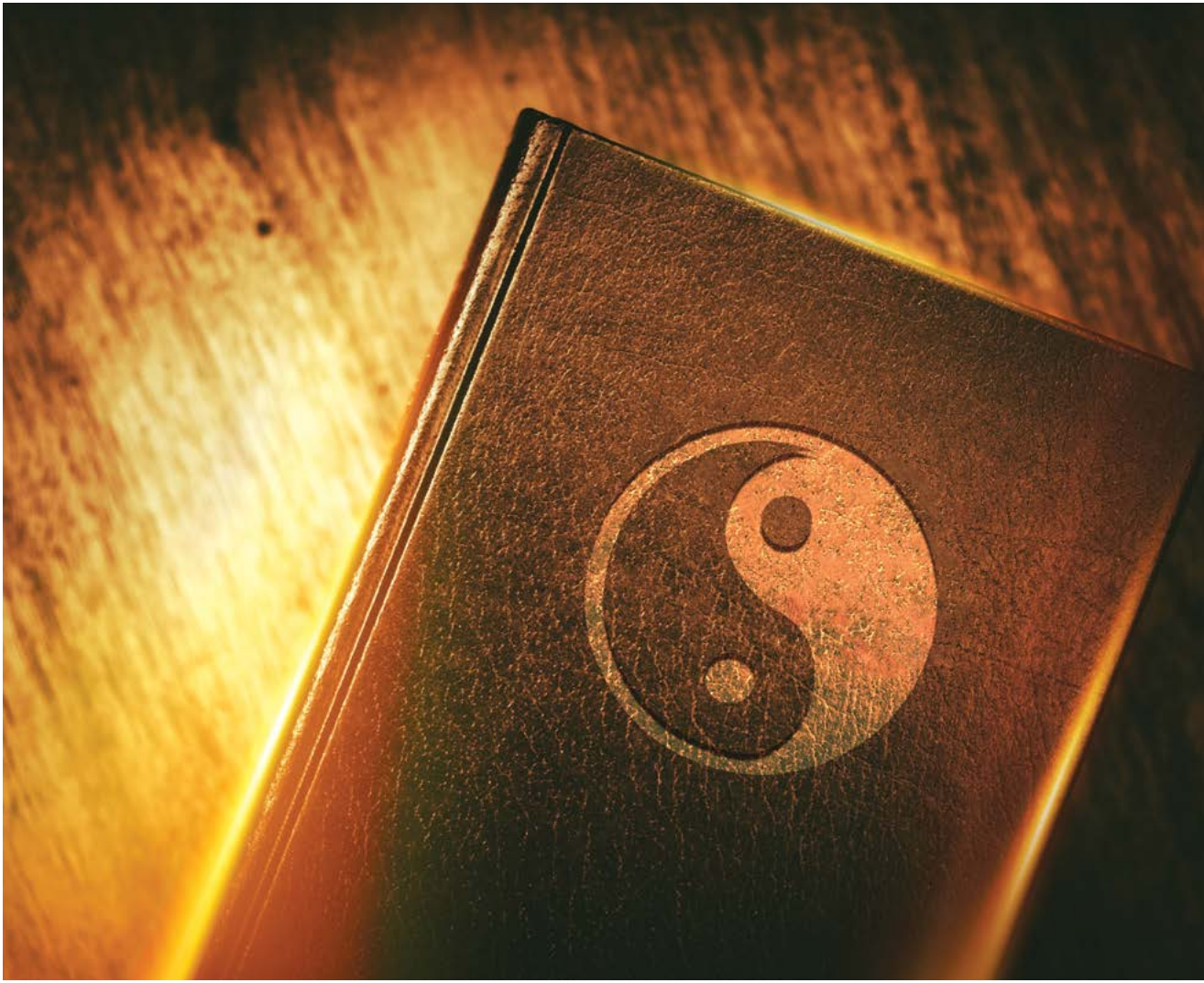
Từ đó, Mục Công xa rời việc quốc sự, nhất tâm tu luyện, tương truyền sau này cũng đắc đạo thành tiên.

Hôn nhân của nhân loại nơi thế gian, cũng đều chẳng qua là tình cảm tình yêu giữa nam và nữ, sinh sôi nảy nở cho hậu thế, vợ chồng bầu bạn Thần Tiên như Tiêu Sử và Lộng Ngọc hỏi có kim cổ bao nhiêu người?

* Tài liệu tham khảo: “Liệt Tiên truyện” của Lưu Hưởng thời Tây Hán; Tập 4 Thái Bình Quảng Ký thời Tống; Hồi 47 Đông Chu Liệt Quốc Chí của Phùng Mộng Long đời Minh.

Thanh Mai biên dịch

Thuyết định mệnh (Kỳ 2/3): Phá giải những hiểu lầm về thuyết định mệnh



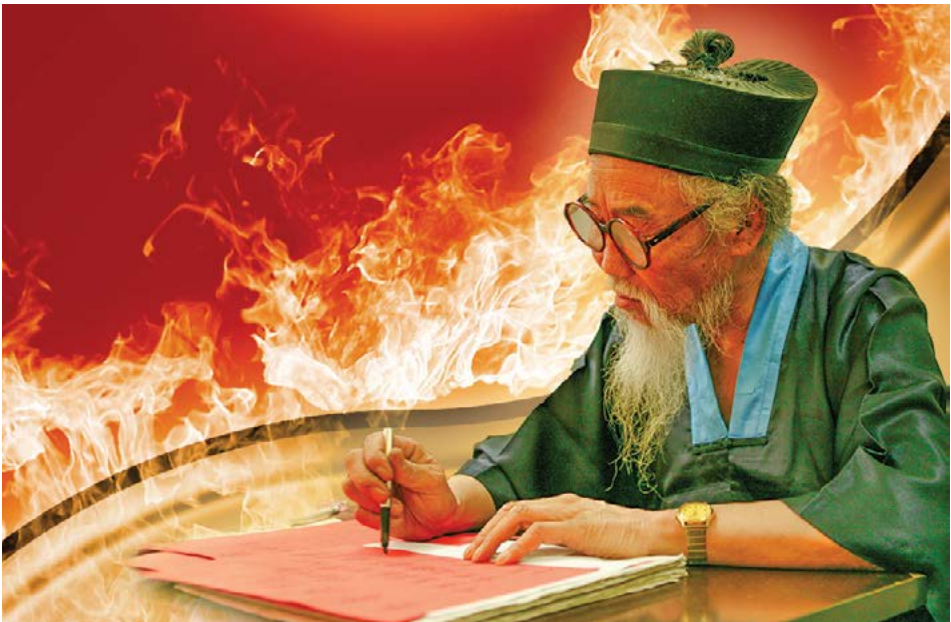
TƯỜNG HỒA

1. Hiểu lầm thứ nhất về thuật toán mệnh: Tại sao người sinh cùng ngày, tháng, năm mà vận mệnh lại khác nhau?

Trong văn hóa cổ đại có rất nhiều phương pháp có thể suy tính được vận mệnh như Bát tự Hữu Từ Bình, Chu dịch bát quái, Đại lục nhâm, Mai hoa dịch số, Thiết bản Thần số, Tử vi đẩu số, tướng mạo, tướng tay, xem sao, xem bói, nân xương, đoán chữ, tức mệnh thông... Các phương pháp đều có sở trường và sở đoản riêng.

Ưu thế của thuật toán mệnh theo giờ sinh Bát tự là tính ra một đời người phú quý, bản tiền, yếu thọ là có độ chính xác khá cao. Ví như đem mệnh con người chia làm 3 loại thượng, trung, hạ... Bát tự có thể tính ra ở loại đẳng cấp nào; tính ra được đời người khi nào vận tốt, khi nào vận xấu; còn tính được hôn nhân tốt xấu; có lực trợ giúp không, cũng có chứng nghiệm. Nhưng nếu muốn hỏi về sự việc chi tiết có thể như vợ họ tên gì, bao nhiêu tuổi... thì những điều này không phải là sở trường của toán mệnh giờ sinh Bát tự.

Sách Thanh Bại Loại Sao có ghi chép: Thời triều Thanh, Thượng thư Bộ Lễ Ưông Đình Trân và Thành Thư người Thịnh Kinh (Thâm Dương) sinh cùng giờ, ngày, tháng, năm. Ưông Đình Trân đi tiên sỹ, Thành Thư đỗ cử nhân. Ưông Đình Trân làm quan lục phẩm, Thành Thư ngũ phẩm thì Thành Thư tứ phẩm. Khi Thành Thư làm Thị lang, thì Ưông Đình Trân làm quan tam phẩm. Sau này Ưông Đình Trân làm Thượng thư mà Thành Thư vẫn chỉ là Thị lang. Tước vị hai người luôn luôn chênh lệch không nhiều, quá



Người trong thiên hạ nhiều như thế, người sinh cùng ngày, tháng, năm rất nhiều, nhưng tại sao vận mệnh của họ ai nấy đều không giống nhau? (Ảnh minh họa)

là kỳ lạ. Tướng mạo hai người vớ cùng giống nhau, năm mắt của cha mẹ cũng khá tương đồng. Tác giả cho rằng địa điểm sinh khác nhau của hai người đã tạo ra sự sai biệt đó, nhưng những gì trải qua trong cả cuộc đời, công danh sự nghiệp đều khá tương tự.

Hai người này nếu nói theo quan điểm của những người phân đôi toán mệnh thì: một người làm quan đến Thượng thư, một người là Thị lang, đây rõ ràng là khác nhau; do đó toán mệnh không chuẩn, vận mệnh không tồn tại.

Tuy nhiên, tước vị và chức quan cụ thể đúng là khác nhau, nhưng đường cong sinh mệnh của hai người lại tương đồng. Toán mệnh giờ sinh Bát tự chính là dùng quan hệ biện chứng ngũ hành tương sinh tương khắc để tính ra đường cong sinh mệnh này, nhưng đường cong sinh mệnh này mở rộng đến đâu thì còn chịu tác động của thiên thời, địa lợi, nhân hòa hậu thiên; vậy nên sẽ có những khác biệt. Đây chính là một trong những nguyên nhân người sinh cùng giờ, ngày, tháng, năm... mà vận mệnh cụ thể sau này có sự sai khác.

Có thể thấy, người có cùng giờ, ngày, tháng, năm sinh... có sự việc và trải nghiệm có thể tuy không tuyệt đối giống nhau nhưng lại có nhiều điểm tương tự. Điều đó cũng đủ để chứng minh căn cứ lý luận toán mệnh thì từ đúng giờ, ngày, tháng, năm, năm sinh là có cơ sở. Nếu cứ nhất định rằng chức quan, quan phẩm phải hoàn toàn như nhau mới tin, thì đó là yêu cầu quá khắt khe đối với toán mệnh Bát tự.

2. Hiểu lầm thứ 2 về thuật toán mệnh: Giờ sinh Bát tự của hoàng đế, trong dân gian cũng có người như thế, tại sao họ

Toán mệnh giờ sinh bát tự dùng quan hệ hành tương sinh tương khắc để tính ra đường cong sinh mệnh. Đường cong này triển khai ở đầu còn chịu tác động của thiên thời, địa lợi, nhân hòa hậu thiên. (Ảnh minh họa)

làm không thể làm hoàng đế?

Mệnh của hoàng đế không chỉ đơn giản do giờ sinh Bát tự quyết định, mà Bát tự chỉ là một loại biểu hiện của thân thể vật chất khi họ chuyển sinh đến nhân gian. Vì vậy hoàng đế cũng giống người thường, cũng có sinh lão bệnh tử, có phiền não. Nhưng từ thuyết định mệnh mà nói, nguyên thân (linh hồn) của hoàng đế là do trời cao an bài hạ thế, có mang theo số mệnh.

Sách Ngũ Tập Trờ do Ta Triệu Chiết triều Minh biên soạn có viết: Tương truyền Minh Thái Tổ Cao Hoàng Đế (Chu Nguyên Chương) sau khi định thiên hạ đã tìm người có giờ sinh Bát tự giống với mình. Ở Giang Âm tìm thấy một người, được đưa đến hoàng cung. Chu Nguyên Chương muốn giết ông ta, nhưng khi gặp thì ra là một ông già nhà quê. Vua bèn hỏi: “Sống bằng nghề gì?”

Người đó nói: “Chỉ nuôi 13 tổ ong, cũng đủ tự nuôi mình.”

Chu Nguyên Chương cười và nói: “Ta cai quản 13 tỉnh và ông nuôi 13 tổ ong, chẳng phải giống nhau sao?”

Thế rồi vua trong thượng cho ông ta và cho trở về quê. Quá thực khi thử độ của đế vương khó mà luận đanh tương đồng với thường dân được.

3. Hiểu lầm thứ 3 về thuật toán mệnh: Một trận động đất chết mấy chục nghìn người, lẽ nào đây là do mệnh chết?

Chu Dịch viết: “Trời hiển thị Thiên tượng để thấy hung cát”. Động đất là một loại cảnh cáo mà Trời giáng xuống nhân gian, nhắc nhở người thống trị đã có những sự việc trái ý Trời, làm những việc tổn hại lên Trời, để nhắc nhở họ sửa chữa quy chính, hoặc sẽ có thiên tai dãi đại, hoặc quân vương sẽ xuất hiện vận để, thì chính là Trời cao đang cảnh cáo và trừng phạt; người khu vực đó ở trong phạm vi trừng phạt của ông Trời. Vận nước lớn hơn vận người, vận mệnh quốc gia không tốt thì dù vận mệnh cá nhân có tốt cũng không đủ sức vận hồi.

4. Hiểu lầm thứ 4 về thuật toán mệnh: Nếu ai ai cũng tin học pháp định trước thì mọi người sẽ không cần nỗ lực nữa?

Người hiểu thuật toán mệnh Bát tự đều biết, trong Bát tự có “Lục thân”, tức là 6 loại quan hệ sinh khác, chế hóa của nhật can, tức là “Tài, Quan, Sát, Ân, Thực, Thương”. Lục thân này giống như 6 loại gene trong mệnh con người (thực tế con người có khoảng 19,00 đến 22,000 gene). 6 loại gene này sẽ quyết định tư tưởng và hành động của con người, mỗi gene đều đại biểu

cho chức năng trong phạm vi của mình. Ví dụ như Tài tinh sẽ kiểm soát phương diện tiền tài trong mệnh con người; Quan tinh kiểm soát vấn đề trên phương diện thanh danh, quan trường; Thương quan, Thực thần tinh là sao phát huy, phát động. Cho nên con người nỗ lực hay không, khi nào nỗ lực thì cần phải xem hai sao này.

Đương nhiên tất cả những sao này đều có nhân tố chính diện và phản diện. Tài tinh có thể chỉ việc kiếm được tiền, cũng có thể chỉ việc phá tài hao tài. Quan tinh có thể đại biểu cho cơ hội thăng chức, cũng có thể dự liệu việc mất chức. Sao thương quan, thực thần, người ta gọi đó là sao hành động bởi vì chúng là ngũ hành do nhật chủ sinh ra; mỗi người đều phải tự mình làm việc, phát huy tài năng. Có người phát huy thành công, khởi nghiệp kiếm tiền; có người thì làm on mắc oán, hảo tâm không được hảo báo, càng làm càng vất vả, còn mất đi phúc khí của mình. Việc này cần phân tích sự phối hợp toàn diện của Bát tự, xem chúng là Hỗ dụng thân hay là Kỳ thân. Là Hỗ dụng thân thì có được kết quả tốt đẹp. Là Kỳ thân thì sẽ phá tài, mất quan, làm tổn công vô ích, ‘lợn lành chữa lợn què’... Đối với những việc này, thấy toán mệnh chân chính có thể nhìn ra được.

Có bậc phụ huynh có lẽ đã trải nghiệm qua việc con mình học Tiểu học thì thành tích không tốt, cho dù là thầy có giáo đốc thúc thế nào, cha mẹ nỗ lực ra sao, học thêm, phụ đạo thế nào; tất cả đều không có tác dụng. Nhưng đến Trung học, thành tích học tập đột nhiên nhảy vọt lên, mà cũng không có ai đốc thúc, rất tự giác nỗ lực, bỗng nhiên đứng đầu lớp. Đây chính là thiếu thiếu niên chưa gặp vận tốt, cho dù nỗ lực thế nào, đốc thúc ra sao thì cũng lực bất tòng tâm. Lên đến Trung học, đến lượt các sao Thực thần và Thương quan chuyển đến vận tốt, lại là Hỗ dụng; đó là sao hành động trong mệnh được đánh thức, cái gene cần có nỗ lực mà vận mệnh chủ định được kích hoạt, đã phát huy một tốt đẹp của mình.

Sao thực thần, Thương quan cũng được gọi là sao thông minh, trí tuệ. Muốn thành tích học tập tốt đẹp, đừng đầu thì hai sao này là thích hợp nhất. Không chỉ sao Thực thần, Thương quan là có tình huống này, các sao khác như Tài, Quan, Ân cũng lại giống như thế. Khi bạn đến vận sao Quan mà lại là Hỗ dụng thì tự khác có một động lực trong tâm thực đây bạn hành động, để thử thách, để ứng nghiệm với quan vận này, giống như hạt giống đến mùa xuân, trong hạt giống tự đã có một xung lực, đợi đất mọc lên, đâm chồi.

Cũng có lúc thông qua giác ngộ để thức dậy bạn hành động. Tự bản thân không muốn cầu chức quan, nhưng ông Trời lại đốc thúc bạn làm; và sự tinh ứng nghiệm ở phương diện tốt. Cũng như thế, việc xấu đến, bạn tránh cũng không được.

Nếu nói về việc ngồi hưởng vận mệnh chờ nó tự thành tựu, đó chỉ là người có sao Ân tinh là Hỗ dụng, nhất là Ân tinh ở nguyệt lệnh. Vận tốt của người này giống như ôm cây đợi thỏ, chẳng cần bỏ nhiều công sức, chỉ đợi cơ hội tìm đến. Đó là vì sao Ân tinh trợ ngũ hành nhật chủ của bạn; tức là trong mệnh có quý nhân trợ giúp. Có thể thấy, mỗi vận đều có thể phân tích ra được từ giờ sinh Bát tự; không giống như có người nói, tin vào vận mệnh thì ngồi đó chẳng làm gì, ngồi yên chờ phúc quý đến. Thực ra con người làm gì thì có thể hoàn toàn tự quyết được chẳng, hay chỉ là thừa hành những mệnh lệnh được định sẵn trong lúc con người không biết, không cảm thấy? Thành công và thất bại, thông minh và đại khờ, tất cả đã được định trước rồi; thông qua phân tích giờ sinh Bát tự thì có thể dự đoán được những nhân tố đang sao đó.



"Vinh Hoa".



"Đám cưới chuột" - một trong những bức tranh nổi tiếng nhất của dòng tranh Đông Hồ.

Tranh Đông Hồ Phẳng phát hồn Việt

THANH PHONG

Làng tranh Đông Hồ xưa là làng nghề nổi tiếng về tranh dân gian, thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh cách Hà Nội chừng 35 km. Làng Đông Hồ hay còn gọi là làng Hồ nằm ven hồ sông Đuống, cạnh bên đò Hồ, nay là cầu Hồ.

Tranh Đông Hồ khá gần gũi với đại đa số người Việt, khi nhắc tới hầu như ai cũng biết đến. Nội dung tranh rất gần gũi nên nó đã đi vào thơ văn từ lâu. Ngày nay, tục lệ mua tranh Đông Hồ treo ngày Tết đã mai một đi; làng tranh cũng thay đổi nhiều. Tuy vậy tranh Đông Hồ vẫn đóng vai trò như một di sản văn hóa, một dòng tranh dân gian không thể thiếu.

Làng Đông Hồ (còn gọi là làng Mái) nằm ngay sát bờ sông Đuống, ngày xưa làng chỉ cách sông một con đê, đó là ý trong câu “Có sông tám mát có nghề làm tranh”. Sông nay, do sự bồi lấp của dòng sông nên từ đê ra đến bờ sông giờ đã khá xa. Là dân nghệ thuật nên dân làng Hồ rất trọng lời ăn tiếng nói; nhất là phụ nữ, ăn nói rất lịch lãm, trên thưa dưới gửi rất rõ ràng. Người làng kể rằng ngay từ thời xa xưa, rất hiếm khi trong làng có tiếng người mắng chửi nhau. Còn có câu “làng Mái có lịch có lễ”; chữ “lễ” ở đây tượng trưng cho những quy tắc đạo đức của người xưa, rất trọng danh dự, khí tiết.

Do công nghệ phát triển, tranh dân gian làng Hồ bây giờ không tiêu thụ nhiều như trước. Trước đây, các dòng họ làm tranh đã quy về làng qua nhiều thế kỷ. Nhưng hiện nay chỉ còn hai gia đình nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế và Nguyễn Hữu Sam cùng con cháu là theo nghề tranh, góp phần gìn giữ di sản tranh Đông Hồ.

Hàng năm làng Hồ có hội làng vào rằm tháng ba âm lịch. Hội làng có những nghi thức truyền thống như tế thần, thi mã, thi tranh, hát dân ca rất vui vẻ. Đây cũng là dịp các thế hệ trẻ tưởng nhớ lại những giá trị của một làng nghề truyền thống và gìn giữ để nó không bị mai một theo thời gian.

Một phụ nữ trong trang phục truyền thống Kinh Bắc đang hoàn thiện một bức tranh Đông Hồ. Sau khi các bức tranh được in trên ván gỗ, các nghệ nhân sẽ tiến hành sửa chữa để hoàn thiện bức tranh.



"Gà đàn".



"Lợn Âm-Dương".

Chỉ với những bức họa đơn giản, hình ảnh về làng quê [Việt] được tái hiện lên rất đơn sơ, mộc mạc và thân quen.



"Đầu vịt".



"Bịt mắt bắt dê".

Lịch sử phát triển của nghệ tranh Làng Hồ có công nghệ in tranh từ rất lâu. Cũng như nhiều làng nghề khác, gia phả làng Hồ qua thời gian dài chiến tranh đã bị thất lạc, không còn giữ được. Cho đến nay dù đã mất bao công sức khảo cứu, người ta cũng chưa biết ông tổ nghề in tranh ở nước ta là ai hay nghề in tranh có từ bao giờ.

Nghề làm tranh Đông Hồ có liên hệ mật thiết với kỹ thuật làm giấy, khắc ván, và khắc gỗ tranh. Theo sử sách, người Việt đã biết làm một thứ giấy gọi là mặt hương vào thế kỷ thứ III. Nghề khắc ván theo một số sử sách ghi lại cũng có từ thế kỷ XI, XII. Trong các dòng tranh khác gỗ dân gian Việt Nam thì tranh Đông Hồ xuất sinh từ làng Đông Hồ, Bắc Ninh là được nhắc đến nhiều hơn cả. Thời kỳ thịnh vượng nhất của tranh Đông Hồ là vào thế kỷ XVII, XVIII.

Tranh Đông Hồ còn được người ta gọi bằng cái tên nôm na, thân mật hơn là tranh Tết, bởi nó được sản xuất và bán vào dịp Tết Âm lịch cho khắp nơi ở chợ quê. Vào những ngày Tết, mọi nhà đều có tranh treo, màu sắc của tranh tươi bừng, nhộn nhịp như niềm vui, niềm hân hoan rạo rức trong không khí tết đầu năm.

Về đề tài vẽ, tranh Đông Hồ có loại tranh chúc tụng; ví dụ như đàn gà là ước cho ai nấy đều may mắn con cháu, đứa bé ôm con gà là vinh hoa, ôm con vịt là phú quý. Bên cạnh đó là tranh sinh hoạt: đánh vật, đánh đu... Rời tranh lịch sử như Bà Trưng, Phò Đổng Thiên Vương, Ngô Quyền... Tranh truyền như Kiều, Thạch Sanh. Lại còn có loại tranh thơ, vẽ đôi rất đa dạng và phong phú.

Theo đánh giá của một số họa sĩ, tranh Đông Hồ in ở thời điểm hiện tại thường không có màu sắc tươi sáng như tranh cổ. Nguyên nhân là người ta trộn màu trắng vào bột điệp màu để bớt lượng bột điệp khiến giấy mất độ óng ánh, màu sắc sử dụng cũng chuyển sang loại màu công nghiệp. Ngoài ra, các bản khắc mới có bản không được tinh tế như bản cổ. Một điểm đáng lưu ý khác nữa là một số bản khắc đã đục bỏ phần chữ Hán hoặc chữ Nôm bên cạnh phần hình của tranh, khiến tranh ít nhiều thiếu đi cái gì đó truyền thống người xưa để lại.

Kỹ thuật làm tranh

Đề hoàn thiện một bức tranh Đông Hồ cần rất nhiều thời gian. Một người thợ thì công giới phải phụ trách từ việc làm mực từ nguyên liệu thiên nhiên, chọn giấy, làm khuôn, in tranh. Đặc sắc nhất là màu mực: để có màu đen người ta phải đốt lá tre rồi lấy than của nó; màu xanh lấy từ vỏ và lá của trám; màu vàng lấy từ hoa hòe; màu đỏ thắm lấy từ thân, rễ cây vang; màu trắng là bột điệp được làm từ vỏ sò... Những bột màu thô này được trộn với nhau và hòa với một lượng bột nếp trước khi in để tạo một lớp hồ, làm cho giấy tranh cứng hơn sau khi phơi khô.

Khuôn tranh Đông Hồ được khắc trên ván gỗ, trước hết là một bản nét, rời tranh có bao nhiêu sắc thì thêm bấy nhiêu bản màu.

Nên tranh là giấy dó, làm bằng vỏ cây dó, phết lên một lớp bột điệp một màu óng bạc, bột điệp được tán từ một loại vỏ sò. Loại giấy này được sản xuất theo lối thủ công - thường được lấy từ làng Đông Cáo, Bắc Ninh hay làng Bưởi, Hà Nội về - cắt thành nhiều cỡ, nhỏ nhất là 11cm x 12cm, lớn nhất là 22cm x 31cm.

Những chiếc chổi lông dùng để phết giấy và khuôn in cũng được làm bằng lá cây Vân sam đất phượng. Tranh được

vẽ bằng cách bôi màu vào bản khắc gỗ, mỗi màu một bản sau đó ấn khuôn lên giấy. Tranh được phơi khô sau mỗi lần in ba hay năm màu.

Sau khi in thành tranh, kể cả lúc tranh khô, người xem vẫn cảm nhận được màu sắc của tranh thật tươi tắn như lúc tranh ướt. Các hình khối, mảng màu đặt cạnh nhau có sự ăn ý hài hòa một cách tự nhiên. Những năm gần đây có một số người khi in tranh đã từng dùng một số màu và hoá chất hiện đại; như thế sản lượng có tăng nhưng chất liệu màu của tranh không tươi và sắc nét như tranh làm kiểu truyền thống. Đã thế, chỉ trong một thời gian ngắn màu sắc sẽ bị phai nhạt.

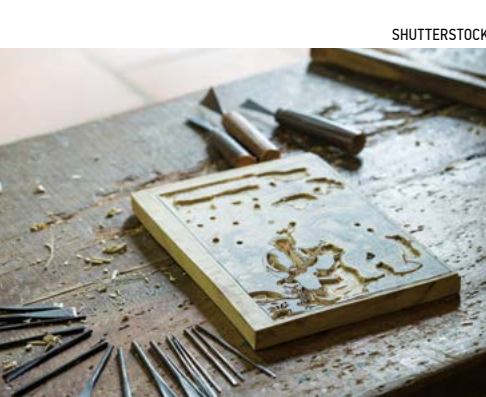
Các màu sắc cũng đại biểu cho một ý nghĩa nào đó; ví dụ: màu vàng hoa hòe tượng trưng cho sự no đủ của cánh đồng lúa chín, màu xanh như lily tre, màu đỏ gấc như yếm thắm, màu tím như thất lung, màu đen như váy lĩnh giữa mùa quan họ. Tất cả đều là vật liệu có sẵn trong thiên nhiên, đã ăn sâu vào tâm thức người Việt từ xưa. Có người yêu tranh nhận xét khi xem tranh như sau: “Tiếng nói sâu kín của bản năng và tiềm thức không biết bao lần làm ta giật mình, bói hỏi trong kỷ niệm.”

Mặc dù tranh khác gỗ màu của Việt Nam và của Trung Hoa có sự gần gũi nào đó, nhưng tranh Đông Hồ đã phát triển thành một trường phái riêng tồn tại qua nhiều thế kỷ. Tranh Đông Hồ được thừa nhận là dòng tranh dân gian được biết đến nhiều nhất ở nước ta và đã gán bó và thể hiện chủ nghĩa lao động của người nông dân bình dị, chất phác hay các tập tục sinh hoạt của người dân Việt.

Nghệ thuật trong tranh Đông Hồ

Mỗi bức tranh Đông Hồ thể hiện một truyền thuyết hoặc một câu chuyện ngụ ngôn mang tính triết lý, có nội dung điệp sâu sắc về đạo đức, luân lý và tín ngưỡng. Ngoài ra, chúng ta còn cảm nhận được sự dí dỏm, khéo léo, tế nhị, hay lời chúc hạnh phúc, may mắn trong ngày Tết. Các con vật gần gũi với làng quê như gà trống, trâu, lợn, mèo, cá, v.v. cũng xuất hiện nhiều trong tranh Đông Hồ.

Tranh làng Đông Hồ không vẽ theo cảm hứng nghệ thuật mà người ta dùng vài phũ quý. Bên cạnh đó là tranh sinh hoạt: đánh vật, đánh đu... Rời tranh lịch sử như Bà Trưng, Phò Đổng Thiên Vương, Ngô Quyền... Tranh truyền như Kiều, Thạch Sanh. Lại còn có loại tranh thơ, vẽ đôi rất đa dạng và phong phú.



Khuôn tranh Đông Hồ được khắc trên ván gỗ.

Tranh dân gian Đông Hồ không áp dụng chất chế các nguyên tác về ánh sáng hay luật xa gần như phong cách tranh hiện đại. Những nghệ sĩ sáng tác tranh dân gian mang nhiều tính ước lệ trong bố cục, trong cách miêu tả về màu sắc. Tất cả đều sử dụng lối vẽ đơn giản để thể hiện, do đó khi xem tranh dân gian, người ta thường bắt gặp cái thú vị ở những nét ngây ngô đơn giản nhưng hợp lý hợp tình.

Tranh Đông Hồ tỏa ra sự giản dị, chân thực, đôi lúc chân thực đến vùng vế, nhưng nó hàm chứa một nét đẹp không thể cưỡng lại của một tinh thần dân tộc còn phảng phất dấu vết, như sự nối tiếp âm thầm của một nền văn hóa lâu đời.

Tranh Đông Hồ là sản phẩm kết tinh của các thế hệ người làm tranh làng Hồ. Chỉ với những bức họa đơn giản, hình ảnh về làng quê được tái hiện rất đơn sơ, mộc mạc và thân quen. Màu son trong tranh được làm bằng chất liệu tự nhiên gắn liền với đời sống, là điều tạo nên những bức tranh sinh động và chân thật mà không phải sản phẩm nào cũng có thể diễn tả được.

Những bức họa làng quê trong tranh Đông Hồ như một lời nhắc nhở chúng ta hãy biết trân quý những giá trị truyền thống xưa của ông ta để lại.

Thanh hương nhã cú (Phần 3/7): Đạo nghĩa anh em

TRÚC LÂM

Trong văn hóa Á Đông mối quan hệ giữa con cái và cha mẹ, vợ và chồng, anh chị em, bạn bè và quân thần luôn được xem là quan trọng. Người xưa vẫn thường có câu: “Phụ nghĩa phụ thuận, phụ tử tử hiếu, huynh hữu đệ cung, bằng hữu hữu tín, quân nhân thần trung” (Chồng nghĩa vợ thuận, cha tử con hiếu, anh em tương kính, bạn bè có tín, quân vương nhân ái bé tôi trung).

Kỳ thực không ai có thể tồn tại mà không cần sự giúp đỡ của mọi người xung quanh, với người thân lại càng hơn thế nữa. Người ta thường nói “một hàng rào phải có ba cái cọc, một hảo hán phải có ba người giúp đỡ”. Sự giúp đỡ của bạn bè đồng nghiệp trên thực tế cũng bắt đầu từ sự tương trợ trong gia đình, từ cha mẹ, vợ chồng và anh chị em với nhau. Ở phần này chúng ta sẽ xem xét về đạo nghĩa giữa anh chị em trong năm mối quan hệ trên trong văn hoá truyền thống.

Trong cuốn “Đệ Tử Quy” đã viết: “Nếu anh em không bị vật chất làm cho vẩn đục, thì có gì có thể khiến

tình cảm anh em bị tổn thất? Nếu anh em nói năng biết kính trên nhường dưới, bao dung độ lượng thì mọi hận thù sẽ tự tiêu tan”.

Có hai anh em nhà nọ, tên là Tào Phi và Tào Thực. Tào Phi sau khi làm vua, vì muốn giữ vững ngôi vị của mình đã có ý định loại trừ mầm họa là người em Tào Thực giỏi giang. Một lần, anh ta đã nói với em trai rằng: “Trong vòng bảy bước chân em phải làm được một bài thơ nói lên ý nghĩa tình anh em, trong thơ không được nhắc tới hai chữ ‘anh’ và ‘em’. Nếu em không làm được, ta sẽ xử tử em”. Thấy anh trai giờ đã làm vua mà vẫn không tha cho mình, Tào Thực rất lấy làm buồn lòng. Trong vòng bảy bước chân đã ngâm được một bài thơ rằng:

*“Đậu hạt nấu chín bằng cành
Cùng chung một gốc,
đoạt tranh làm gì
Trong nói, đậu khác tí ti
Cành ơi sao nở hiềm nghi
cho đành”*

Tào Phi sau khi nghe xong

Trong văn hóa Á Đông mối quan hệ giữa con cái và cha mẹ, vợ và chồng, anh chị em, bạn bè và quân thần luôn được xem là quan trọng.



Nếu anh em nói năng biết kính trên nhường dưới, bao dung độ lượng thì mọi hận thù sẽ tự tiêu tan.

không nói được gì, đành tha mạng cho Tào Thực.

Trong văn hóa truyền thống Á Đông có rất nhiều những câu chuyện về anh em tranh giành tài sản, tuy nhiên những câu chuyện anh em nhường nhau ngôi vị, thương yêu tương kính cũng không phải là ít.

Vào cuối đời nhà Thương, có một nước chư hầu nhỏ tên là Cô Trúc.

Quốc Vương nước này có ba người con trai, hoàng tử cả được gọi là Bá Di, hoàng tử thứ ba được gọi là Thúc Tế. Vua cha rất sủng ái hoàng tử cả và muốn anh kế vị. Sau khi quốc vương băng hà, chiếu theo luật lệ của triều đình thì hoàng tử cả sẽ kế ngôi, tuy nhiên Bá Di lại nói: “Chúng ta nên làm theo đúng ý nguyện của

phụ hoàng, ngôi vua nên để cho Thúc Tế kế nhiệm”. Hoàng tử thứ ba thấy vậy liền đáp: “Đệ làm vua sẽ không hợp đạo nghĩa huynh đệ, cũng không đúng theo luật lệ đã đề ra”. Sau đó, Thúc Tế cũng từ chối vị trí cao quý này và cùng người anh cả chuyển ra ngoài hoàng cung sinh sống. Bá Di và Thúc Tế đều nhường nhau không ai chịu kế nghiệp vua cha, triều thần đành bó tay thúc thủ nên phải lập hoàng tử thứ hai lên để kế vị ngai vàng.

Từ chối cuộc sống xa hoa phú quý, câu chuyện về Bá Di và Thúc Tế luôn được người đời ca ngợi. Ngay cả đến ngôi báu hai người cũng có thể nhường nhịn, điều này thể hiện tính nhân nghĩa rất sâu sắc. Người anh Bá Di muốn thuận theo ý cha, nhưng người em Thúc Tế lại kính trọng anh của mình.

SỬ VIỆT

Trí huệ của vua Lý Nhân Tông về lễ sinh tử

MINH BẢO

Lý Nhân Tông (1066 -1128) ở ngôi 56 năm, là vị vua trị vì lâu nhất trong lịch sử Việt Nam. Dưới sự nắm quyền của ông, vinh quang của quốc gia Đại Việt đã lên đến đỉnh cao. Nếu các tiên đế khác nổi danh với lòng nhân ái khoan hòa, thì Lý Nhân Tông còn nổi tiếng hơn bởi tài kinh bang tế thế. Chiếu chỉ cuối cùng của ông thể hiện lời trần trối đầy trí huệ và minh triết của một bậc minh quân ái quốc.

“Trăm nghe, phàm các loài sinh

vật, không loài nào là không chết. Chết là số lớn của trời đất và lẽ đương nhiên của mọi vật. Thế nhưng người đời chẳng ai không thích sống mà ghét chết. Chôn cất hậu làm mất cơ nghiệp, để tang lâu làm tổn tính mệnh, trăm không cho thế là phải. Trăm ít đức, không lấy gì làm cho trăm họ được yên, đến khi chết đi lại khiến cho thứ dân mặc áo xô gai, sớm tối khóc lóc, giảm ăn uống, bỏ cúng tế... làm cho lỗi ta thêm nặng, thiên hạ sẽ bảo ta là người thế nào? Trăm xót phận tuổi thơ phải nối ngôi báu, ở trên các vương hầu, lúc nào cũng nghiêm kính sợ hãi. Đã 56 năm nay, nhờ anh linh của tổ tông, được hoàng thiên phù hộ, bốn biển yên lành, biên thùy ít biến, chết mà được xếp sau các bậc tiên quân là may rồi, còn phải thương khóc làm gì?” “...Việc tang thì chỉ ba ngày là bỏ áo trở, nên thôi thương khóc. Việc chôn thì nên theo Hán Văn Đế, cốt phải kiệm ước, không xây lăng mộ riêng, nên để ta hầu bên cạnh tiên đế. Than ôi! mặt trời đã xế, tác bóng khó



Lý Nhân Tông, một người mộ Phật tôn Nho, với đạo đức bản thân to lớn như cái tên của mình: Càn Đức. (Epoch Times minh họa từ Wikimedia Commons)

đùng, từ già cõi đời, nghìn thu vĩnh quyết. Các người nên thực lòng kính nghe lời trăm, bảo rõ cho các vương công, bày tỏ cho hết trong ngoài”...
(Theo: Đại Việt sử ký toàn thư)

Lời bàn:

Người đời ai cũng sợ chết, lại nhầm tưởng coi đó là sự chấm dứt vĩnh viễn

quá trình sinh mệnh. Vì thế mà ai cũng luôn cố lưu lại dấu ấn của mình bằng nhiều cách. Kể thì làm đám tang lớn dài ngày, người thì đắp sinh từ, sai dựng tượng thấp hương, cúng bái đêm ngày. Tất cả chẳng qua chỉ là phí công vô ích, vì mê đắm cái danh lợi mà uống đi công nghiệp bản thân cả đời gây dựng nên, có khi còn bị hậu thế chê cười.

Lý Nhân Tông, một người mộ Phật tôn Nho, với đạo đức bản thân to lớn như cái tên của mình: Càn Đức - đức lớn của trời, đã đạt đến trí huệ và sự minh triết hiếm có về đạo sinh tử, chạm đến cửa ngõ siêu thường của vạn vật và tự nhiên. Điều này đã giúp ông chỉ trong khoảnh khắc mà trở nên siêu việt hơn những bậc đế vương cùng thời và bất tử cùng dân tộc. Phải chăng nhờ những bậc thiên tử đức độ như vậy mà giang sơn nhà Lý kéo dài mãi hơn 200 năm? Đáng suy ngẫm lắm thay.

EPOCH
TIMES
TIẾNG VIỆT

www.etviet.com

CHÚNG TÔI ĐƯA NHỮNG TIN TỨC QUAN TRỌNG, TRUNG THỰC VÀ TRUYỀN THỐNG



EPOCH TIMES TIENG VIET

3 EASY WAYS TO SUBSCRIBE/Có thể đặt báo qua:

ONLINE: www.etviet.com

BY PHONE/Call:

**(626) 618-6168
(714) 356-8899**

BY MAIL :

Fill out the form to the right and mail it to / Xin điền mẫu bên cạnh và gửi đến:

Epoch Times Tieng Viet
10962 Main Street, Ste 101,
El Monte, CA 91731

Weekly print paper to your home / Một tờ báo sẽ được giao tận nhà mỗi tuần.

All subscriptions will continue until you request to cancel / Báo vẫn tiếp tục giao cho tới khi khách hàng yêu cầu ngưng.

Yes, I'd like to subscribe for/Vâng, tôi muốn đặt báo:

Normal delivery/Gửi thường (khoảng 6-7 ngày sẽ nhận được báo)

6 months for \$59 12 months for \$104

Fast delivery/Gửi nhanh (khoảng 2-4 ngày sẽ nhận được báo)

3 months for \$45 6 months for \$89 12 months for \$175

NAME/Tên _____

PHONE/Số phone _____

ADDRESS/Địa chỉ _____

CITY/Thành phố _____

STATE/Tiểu bang _____ ZIP/Mã vùng _____

EMAIL _____

PAY BY CHECK/Trả bằng chi phiếu (Payable to /Trả cho: Epoch Times Tieng Viet)

USE MY CREDIT CARD/Dùng thẻ tín dụng

VISA MasterCard Discover

Card number/Số thẻ: _____ Exp.date/Ngày hết hạn: _____

Signature/Chữ ký: _____ CVC # (REQUIRED) /Số CVC (bắt buộc): _____